

VIỆT THANH CHIẾN DỊCH
CHIẾN THẮNG KỶ DẬU

Nguyễn Duy Chính

History is like a nymph glimpsed bathing between leaves: the more you shift perspective, the more is revealed. If you want to see the whole you have to dodge and slip between many different viewpoints.

Lịch sử cũng giống như nhìn một mỹ nhân đang tắm qua kẽ lá, càng đổi hướng thì càng thấy nhiều. Nếu muốn nhìn toàn cảnh, chúng ta phải nhích qua nhích lại để có được những góc cạnh khác nhau.

Felipe Fernandez-Armesto

Truth: A History (1997)

LỜI MỞ ĐẦU

Về diễn tiến trận chiến Việt – Thanh đầu năm Kỷ Dậu (1789), sử triều Nguyễn chép chủ yếu tại hai tài liệu, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, quyển XLVII [40-42] và Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, quyển XXX, Ngụy Tây, phần viết về Nguyễn Huệ [32-35].

Khâm Định Việt Sử chép:

...

士毅自出關所至，克捷有輕敵心，既克昇龍自謂事。諸鎮豪傑應義者爭詣軍門請進兵皆置不問。及得清帝手詔命以盡復黎王土地方得班師，士毅始為行計。至是文惠兵至三疊山，帝聞之憂懼問計於士毅。士毅曰。吾以逸待勞，無須急戰。揚揚不以為意。賊長驅而北更無一人一騎抗之者。既至山南，士毅令提督許世亨率四翼兵先行分屯河洄，玉洄以拒之。是月初四日賊遊兵先至，屢戰輒敗，士毅頗易之。次日五鼓，文惠壤袂而起，督所部驅軍大進，親自督戰。以雄象百餘為前行。黎明北軍大驅精騎前進，忽見象馬皆驚嘶奔跑還。相蹴躐。賊又驅象大至急不相救各入壘自守，鐵籤四布，礮箭雨集。賊以禾稈作大束亂滾而前，勁兵隨之。前僨後繼齊力死戰，諸壘同辰潰走。賊追至南同屯，乘勝掩殺。北軍死傷太半。世亨及先鋒張士龍，左翼尚維昇戰死。岑宜棟屯於螺山(俗號棟多)賊別將攻之援絕，宜棟自縊。親兵從縊者數百。辰士毅方在幕次忽聞賊兵逼近昇龍，不知所為遂拔壘渡河而走。橋斷，死者無算。

Dịch nghĩa

[Tôn] Sĩ Nghị từ lúc ra khỏi Nam Quan đến nay đều thắng cả nên có bụng khinh địch, thấy việc chiếm lại Thăng Long chẳng có gì khó. Hào kiệt ứng nghĩa [theo việc nghĩa mà dấy lên, ý nói các đạo cần vương nhà Lê] ở các trấn tranh nhau đến yết kiến ở quân môn xin tiến binh đều không được đoái hoài đến. Mãi đến khi nhận được thủ chiếu của Thanh để ra lệnh khi nào thu phục lại toàn bộ đất đai cho vua Lê mới được rút quân về, Sĩ Nghị bắt đầu tính kế.

Đến lúc binh của [Nguyễn] Văn Huệ đã đến núi Ba Dội [Tam Điệp sơn], vua [Lê] biết được lấy làm lo sợ vội hỏi kế Sĩ Nghị. Sĩ Nghị đáp:

- Ta “dĩ dật đãi lao” [lấy nhàn nhã chống với mệt nhọc], chẳng việc gì phải gấp gáp.

Thế là cứ dương dương chẳng lý gì đến cả. Quân giặc đánh thẳng lên phía bắc mà không gặp sự kháng cự của một người một ngựa nào. Khi tới Sơn Nam, Sĩ Nghị mới ra lệnh cho đề đốc Hứa Thế Hanh đem bốn cánh quân tiến lên chia ra đóng trại ở Hà Hồi, Ngọc Hồi để chống lại. Ngày mồng 4 tháng đó [tháng Giêng năm Kỷ Dậu] du binh của giặc đến trước, đụng độ mấy lần đều thảm bại nên Sĩ Nghị cũng hơi coi thường. Canh năm hôm sau [tức mồng 5], Văn Huệ xắn tay áo đứng dậy, đốc thúc bộ thuộc xua binh ào ạt tiến lên, đích thân đốc chiến, đưa hơn một trăm con voi đục đi đầu.

Tờ mờ sáng, kỵ binh tinh nhuệ của quân Thanh hùng hổ xông ra, thấy voi ngựa liền hí vang chồm lên quay trở đầu chạy về. [Thế là] giặc liền thúc voi tràn tới, các cánh quân không kịp cứu ứng cho nhau chỉ quay về đồn tự thủ, rải chông sắt bốn bề, súng lớn và cung nỏ bắn ra như mưa. Quân giặc dùng rơm bện thành bó lớn lăn lên để chắn đạn, binh lính theo sau, lớp trước ngã xuống lớp sau tiến lên, hết sức tử chiến, tất cả các đồn lũy đều tan vỡ bỏ chạy. Giặc đuổi tới đồn Nam Đồng, thừa thắng chém giết thoải thuê, quân bắc chết đến quá nửa. Thế Hanh cùng tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thượng Duy Thăng chết tại trận. Sầm Nghi Đống đóng quân ở Loa Sơn [tục gọi là Đống Đa] bị một cánh quân của giặc tấn công, không có cứu viện, Nghi Đống tự tử. Thân binh cũng treo cổ chết theo đến vài trăm. Khi ấy Sĩ Nghị đang ở trong trướng bỗng nghe quân giặc đã đến sát Thăng Long, không biết làm sao chỉ vội nhổ trại vượt sông bỏ chạy. Cầu gãy, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể.

Liệt Truyện viết:

...

分順廣親兵為前後左右四營。而又安新兵為中軍。得勝兵十萬餘，戰象數百匹大闖于鎮營。惠親騎象出營勞軍。遂下令進發。十二月二十日至三疊山。楚璘於道旁拜伏請罪。惠曰：

汝等罪該萬死。姑念北河初定，人心未附。汝等能全師以避其鋒，內冀激士氣，外驕敵情，亦是誘敵之計。今姑準帶罪立攻以觀後効。乃大饗將士語之曰。今且先行元旦節禮，俟開春初七日入昇龍城再開筵宴。汝等各記我言誣乎否也。

乃傳令三軍聽候。差派大司馬楚，內侯璘將前軍為先鋒。虜虎侯將後軍。大都督祿，都督雪將左軍。水師屬焉越海入六頭江。雪仍於海陽經略為東道之應。祿取道疾趨諒江鳳眼安世等地方以遏截清兵歸路。大都督保都督謀將右軍，象馬屬焉。謀穿出彰德取路直趨清池之仁睦以橫擊田州軍屯。保專統象軍由山明出清池之大盞為右支之應。五軍皆拜軍令。除夕日師渡澗水。黎山南鎮守黃馮義軍先潰。清人之遠斥候者掩捕盡殲之。是以絕無兵報。自昇隆塢門至上福河洄清人連結屯堡架起大礮屯外暗伏震地雷防備甚固。己酉春正月初三日夜半，惠兵至河洄，密圍其屯以軍筒傳呼應者迭諾近數萬人。屯中股栗不戰自潰。盡獲其軍資器械。初五日黎明進逼玉回壘，壘上彈如雨落。惠令戰士蒙木本以衝陣而自驅象督其後。既破壘門各擲木本於地，以短刀亂砍之。清師抵敵不住奔潰四散遇伏機反為震地雷轟發死傷甚多。西師鼓噪長驅連破文典，安決諸屯。清提督許世亨，總兵張朝龍，尚維昇，田州知府岑宜棟[棟]皆死之。毅在沙州聞報單騎北走。將士爭橋以濟。橋斷擁擠死者以萬數。珥河為之不流。

是日惠驅兵入城，所服戰袍變為焦黑色。皆火藥氣也。召統帝亦倉卒渡河從士毅北上。於是黎亡...

Dịch nghĩa

... Nguyễn Huệ chia thân binh thành tiền, hậu, tả, hữu bốn doanh còn lính mới tuyển ở Nghệ An thì giữ lại trung quân. Khi đại duyệt binh ở trấn doanh [chỗ đóng quân ở Nghệ An] quân tinh nhuệ tính ra hơn mười vạn, voi chiến cũng vài trăm.

Huệ đích thân cưỡi voi ra ngoài doanh khao quân, sau đó hạ lệnh tiến phát. Ngày 20 tháng chạp, quân đến núi Tam Điệp. Sở [Ngô Văn] và Lân [Phan Văn] lạy phục ở bên đường chịu tội. Huệ nói:

- Các người tội quả đáng chết muôn lần. Cô nghĩ đất bắc mới bình định, lòng người chưa theo. Các người có thể giữ được quân cho toàn vẹn [trở về] để tránh mũi nhọn của địch, trong thì khích tướng sĩ thêm tức, ngoài thì khiến kẻ địch thêm kiêu, ấy là kế dụ địch vậy. Nay cô cho các người đái tội lập công để xem hiệu lực thế nào.

Sau đó mở tiệc khao tướng sĩ rồi nói:

- Nay hãy ăn tết trước, đợi đến mồng bảy tháng giêng vào thành Thăng Long khi đó lại mở đại tiệc ăn mừng. Các người rồi xem lời nói của ta liệu có khoác lác hay chẳng?

Huệ truyền cho tam quân đợi lệnh.

Sai đại tư mã Sở, nội hầu Lân đem tiền quân đi tiên phong. Hồ hổ hầu chỉ huy hậu quân.

Đại đô đốc Lộc, đô đốc Tuyết coi tả quân kiêm luôn cả thủy quân, tiến theo đường biển vào sông Lục Đầu, Tuyết đem quân dàn ngang vùng Hải Dương để tiếp ứng cho mặt đông còn Lộc thì xua binh chiếm gấp các vùng Lạng Giang, Phượng Nhãn, Yên Thế ... để chặn đường về của địch.

Đại đô đốc Bảo, đô đốc Mutu coi hữu quân luôn cả tượng binh, mã binh. Mutu đi xuyên qua Chương Đức để thẳng tới Nhân Mục thuộc huyện Thanh Trì đánh ngang hông vào đồn quân Điền Châu ở đó. Bảo thống lĩnh tượng binh theo Sơn Minh đi ra Đại Áng thuộc Thanh Trì lo việc tiếp ứng cánh phải.

Năm quân cùng phục lạy nhận lệnh.

Ngày 30 tết quân vượt sông Giản Thủy. Quân của trấn thủ Sơn Nam nhà Lê là Hoàng Phùng Nghĩa tan vỡ trước. Quân do thám của nhà Thanh đều bị bắt giết sạch cả nên không thể báo tin.

Từ Ô Môn ở Thăng Long đến Hà Hồi thuộc Thượng Phúc, quân Thanh xây đồn lũy, bố trí đại pháo, bên ngoài lại ngầm chôn địa lôi phòng bị thật chắc chắn. Nửa đêm ngày mồng ba tháng giêng năm Kỷ Dậu, binh của Huệ đến Hà Hồi, bí mật vây quanh đồn rồi dùng loa, kẻ hô người ứng tiếng vang vọng như đến mấy vạn người, khiến cho trong đồn hoảng sợ không đánh cũng tan, quân nam thu hết quân tư khí giới.

Ngày mồng năm khi trời mờ sáng, quân nam tiến đánh Ngọc Hồi, trên lũy quân Thanh bắn ra như mưa. Huệ ra lệnh cho chiến sĩ dùng ván gỗ để chắn xông vào trận, còn mình đích thân thúc voi từ phía sau lên. Khi phá được cửa lũy vào trong rồi, quân nam liền vứt ván gỗ xuống, dùng dao ngắn xông vào đâm chém loạn xạ. Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tứ tán, dẫm phải bẫy chôn từ trước nên bị địa lôi nổ tung chết hại rất nhiều. Quân Tây Sơn ầm ầm xông lên phá luôn các đồn Văn Điển, Yên Quyết.

Đề đốc nhà Thanh Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống đều tử trận. Nghị [Tôn Sĩ] đang ở trên cồn cát [đại bản doanh quân Thanh ở trên cồn cát giữa sông Nhị Hà, hai bên bắc cầu phao¹ để đi lại] nghe báo một mình một ngựa chạy về bắc, tướng sĩ cũng tranh nhau qua cầu. Cầu đứt cả bọn ngã xuống sông chết đến hàng vạn. Sông Nhị Hà vì thế không chảy được.

Hôm đó Huệ xua binh vào thành [Thăng Long], áo chiến mặc trên người ngả màu đen cũng do ám khói thuốc súng mà ra. Vua Chiêu Thống cũng vội vã qua sông chạy theo Tôn Sĩ Nghị về bắc. Thế là nhà Lê mất ...

Các nhà nghiên cứu gần đây thấy các tài liệu của triều Nguyễn quá đơn sơ nên thường sử dụng một số chi tiết ngoại sử – nhất là bộ tiểu thuyết lịch sử Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Bộ tiểu thuyết này tuy có nhiều chi tiết ly kỳ, phù hợp với tâm lý tự hào dân tộc nhưng lại cũng lắm chỗ hư cấu, đôi khi quá đáng nên rất khó tham khảo mặc dầu từ trước đến nay rất ít tác giả nào dám loại HLNTC ra khỏi các tài liệu về trận đánh đầu năm Kỷ Dậu.

Như đã có dịp trình bày, HLNTC chép từ đời chúa Trịnh Sâm đến khi nhà Tây Sơn bị diệt, gồm nhiều người chấp bút ở nhiều thời kỳ khác nhau, trong đó phần viết về giai đoạn Tây Sơn và bang giao Thanh – Việt lại đáng ngờ nhất, lắm chi tiết hoàn toàn sai sự thật nên rất khó sử dụng. Trong những tài liệu cuối đời Lê, tác phẩm đáng tin cậy hơn cả có lẽ là *Lịch Triều Tạp Ký* của Ngô Cao Lãng, tiếc rằng trong toàn bộ 6 quyển thì quyển V [chép từ khi vua Hiến Tông qua đời đến khi Tôn Sĩ Nghị chiếm được Thăng Long] lại thất tung nên vì thế các sự kiện trở thành rời rạc, thiếu liên tục².

Về những biến cố trọng đại, những phần thiếu trong *Lịch Triều Tạp Ký* có thể bổ túc bằng *Lê Quý Ký Sự* của Nguyễn Thu [hai bộ này hầu hết ăn khớp với nhau] nhưng cũng không hoàn toàn đầy đủ. Để dựng lại trận đánh, chúng ta hoàn toàn thiếu những tài liệu cung cấp trực tiếp từ chính người tham gia trong bộ chỉ huy Tây Sơn. Nhiều người vẫn cho rằng Ngô Thì Nhậm là một trong các bộ óc chiến lược của Nguyễn Huệ trong bộ chỉ huy chiến dịch thời ấy [theo tường thuật trong HLNTC] nhưng nhiều chi tiết lại

¹ Cầu nổi (phù kiều 浮橋 hay trúc phiệt kiều-竹筏橋) là cầu làm bằng các bè tre kết lại với nhau thả dưới nước để quân Thanh qua sông vì khi bọn họ tiến đến thì bao nhiêu thuyền bè đã bị quân Tây Sơn đem về nam cả rồi.

² Ngô Cao Lãng [*Lịch Triều Tạp Ký*, bản dịch Hoa Bằng và Hoàng văn Lâu, Hà Nội: KHXH, 1995] còn ghi lại nhiều chiếu biểu quan trọng đời Lê và bang giao đời Tây Sơn, đối chiếu rất phù hợp với các tài liệu của nhà Thanh về diễn tiến nghị hoà.

khiến chúng ta ngỡ rằng chưa chắc ông đã có mặt trong đoàn quân của vua Quang Trung khi ra bắc. Những di văn của ông chỉ nhắc đến những sự việc sau khi quân Thanh đã rút chạy nên chúng ta có thể tin rằng chi tiết viết trong *Lịch Triều Tạp Ký* không sai. Ngô Thì Nhậm và nhiều người khác chỉ “ra hàng” để trở thành thư lại sau khi vua Quang Trung thắng trận³. Trước đó, trên danh nghĩa, tuy cộng tác với Tây Sơn nhưng Ngô Thì Nhậm vẫn là một viên quan nhà Lê đóng vai con thoi giữa triều đình Lê Duy Cẩn và bộ chỉ huy của Ngô Văn Sở [tương tự vai trò của nhiều văn quan khác dưới thời vua Lê chúa Trịnh] nên khi Lê Duy Kỳ trở về ông cũng bị trừng phạt nhẹ [cách chức đuổi về làm dân thường]. Tâm lý tòng phục sức mạnh để cầu an ấy khá phổ thông trong giới sĩ phu miền Bắc không phải chỉ giai đoạn đó mà kéo dài sang tận triều Nguyễn và về sau⁴. Chúng ta có thể loại trừ vai trò của giới văn nhân vì thực sự họ không được tham gia [khi hành binh thần tốc chắc không ai dại gì tiết lộ kế hoạch chuyển quân cho những ông nhà nho lỗ vận] và cũng bơ vơ nên khi quân Thanh đến cả triều đình nhà Lê [do Lê Duy Cẩn đứng đầu] đều ra đầu thú, nhận chịu những khiển trách của vua Lê.

Trận đánh Việt – Thanh tuy rất lừng lẫy nhưng sử nước ta lại chỉ ghi chép khá sơ sài, nhắc đến bằng những đề cao chung chung mà thiếu chi tiết rõ rệt. Việc đó cũng có lý do. Triều Nguyễn cho đến giữa thế kỷ XIX vẫn chưa có ý định ghi chép lại đời Tây Sơn [mà họ gọi là Ngụy Triều] một cách minh bạch, chỉ là những phần phụ vào chính sử. Sau năm mươi năm truy quét, tài liệu mất mát, khi viết sử chỉ căn cứ vào lời tường thuật kể cả những điều chưa được kiểm chứng, không xác thực, mâu thuẫn giữa đoạn nọ với đoạn kia.

Tin tức về trận đánh tuy có lọt đến Gia Định theo các thương nhân nhưng có lẽ cũng không được phổ biến vì sợ nhân tâm hoang mang. Ngay trong các lá thư của một vài giáo sĩ có mặt tại Đàng Ngoài cũng mơ hồ [vì nghe lại từ một số con chiên hay tin đồn chứ không tận mắt chứng kiến] và không có những ghi chép nào từ các nguồn của người ngoại quốc đang ở Đàng Ngoài theo lối nhật ký tỉ mỉ mà họ gọi là “Sổ Sang

³ mãi đến tháng 2, sau khi tình hình đã lắng xuống thì “... các tiến sĩ triều Lê như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch và bọn cống sĩ văn chức Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Đào Xuân Lãng lần lượt về hàng. Nguyễn Quang Bình trao quan chức cho từng người, cho tham gia vào việc thảo từ lệnh bang giao.” *Lịch Triều Tạp Ký*, sđd tr. 591. Trong những chiếu biểu giao thiệp với nhà Thanh, khi liệt kê danh sách các bồi thần, tên Ngô Thì Nhậm được nhắc đến sau cùng theo thứ tự Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Nguyễn Văn Danh, Đặng Văn Chân, Nguyễn Văn Dụng, Loan Hồi Đại, Lê Xuân Tài, Ngô Thời Nhiệm [*Đại Việt Quốc Thư*, 1973 tr. 93, 97, 124, 127, 131, 134 ... hay *Lịch Triều Tạp Ký*, 1995 tr. 629, 641, 644 ...] nên khó có thể tin rằng ông đóng một vai trò quan trọng trong triều đình Tây Sơn như HLNTC miêu tả. Nếu quả là một nhân vật cao cấp như thế, ông chắc bị những hình phạt nặng nề hơn khi vua Gia Long thống nhất đất nước.

⁴ Phan Thúc Trực trong *Quốc Sử Di Biên* (1965) tr. 14 có chép một danh sách dài các tiến sĩ triều Lê và quan lại Tây Sơn ra hàng nhà Nguyễn và một bài thơ phúng thích khá mỉa mai như sau: *Lê triều tiến sĩ nhị thập tứ, Bát chân bát ngụy bát chân ngụy. Như kim thoát khước triền đầu cân, Vị giám thủy phi hựu thủy thị.* [dịch nghĩa: Hai mươi bốn ông tiến sĩ triều Lê, Tám ông thật, tám ông giả, tám ông nửa giả nửa thật. Nếu như cởi chiếc khăn quần trên đầu xuống, Thật chẳng còn biết ông nào thật ông nào giả.]

Chép Các Việc”. Chúng ta cũng không có những tài liệu ghi chép tại chỗ [firsthand accounts] để có thể dựng lại chiến dịch này một cách chi tiết.

Trong những thư từ qua lại của Thanh triều về những vấn đề họ phải đối diện, trong đó có những nguyên nhân khách quan về thiên thời, địa lợi và nguyên nhân chủ quan về thực lực của các tỉnh miền nam Trung Hoa. Những mâu thuẫn nội tại như tranh chấp giữa quan gốc Mãn [Phú Cương] và gốc Hán [Tôn Sĩ Nghị] cùng tham vọng riêng tư của từng người cũng ảnh hưởng không ít đến kế hoạch tiến quân và lệnh triệt binh của vua Càn Long.

Trong khi Thanh đình còn đang thù tạc, say sưa với chiến thắng và bộ chỉ huy mặt trận của Tôn Sĩ Nghị chưa đưa ra được một kế hoạch cụ thể, vua Quang Trung bất ngờ kéo binh ra đánh tan quân xâm lăng trong một thời gian kỷ lục.

Trong biên khảo này, chúng tôi cố gắng loại trừ tất cả những tài liệu thứ cấp và những hư cấu trong tiểu thuyết để trình bày một cách khách quan hơn về trận đánh đầu năm. Đối chiếu với tài liệu từ phía địch, rất nhiều việc sử sách nước ta chép theo hiện tượng lại hoàn toàn khác hẳn nếu biết được những âm mưu ở phía sau.

DIỄN TIẾN MẶT TRẬN

Từ Ninh Bình Đến Thăng Long

Quá tự tin về thắng lợi của mình, họ Tôn đã tung ra nhiều tờ hịch kêu gọi Nguyễn Huệ đầu hàng, còn lính tráng thì lấy cờ đã “*giải phóng*” cho dân miền Bắc khỏi tai họa của Tây Sơn nên chỉ lo “*hội hè, chè chén, ăn uống thô tục*”. Một điều hiển nhiên, có lẽ vì những thắng lợi từ Lạng Sơn xuống Thăng Long quá dễ dàng nên tướng lĩnh nhà Thanh ai nấy đều cho rằng Nguyễn Huệ sẽ chỉ cố thủ ở phần đất hiện có mà không đủ khả năng đánh ra Bắc, nhất là những thế lực thù nghịch của ông hiện đang đe dọa ở phía Nam⁵.

Nguyễn Huệ cũng tương kế tựu kế “*gửi thư cho Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, giả vờ nhún mình nhận tội, và nói rằng không biết thiên triều có chịu xá tội cho không, nên chưa dám sai sứ đi xin tha tội*”. Một chi tiết đáng chú ý là trong thư gửi nhà Thanh, Nguyễn Huệ lại viết rằng “*... thân vốn là dòng dõi của quốc vương Chiêm Thành, cha ông bị mất nước nên phải trốn đến đất Tây Sơn, ẩn bạc của triều trước sách phong cho vẫn còn đó*”. Tôn Sĩ Nghị lại ra chiều kẻ cả, gửi thư ra lệnh cho vua Quang Trung “*... phải rút quân về Thuận Hoá để chờ nghe xét xử, không được liều lĩnh làm càn, mà chuốc lấy tội*”⁶.

Trước khi tiến quân ra Bắc, vua Quang Trung tập hợp đại binh tại châu Thọ Hạc [thuộc Đông Sơn, Thanh Hoá] để tỏ ý chí sắt đá quyết tâm đánh bại quân Thanh. *Lịch Triều Tạp Ký* chép:

... Huệ ngồi trên đầu voi, ra lệnh rằng:

- Trong các quân của ta, ai muốn đánh thì phải vì ta mà giết hết lũ chó Ngô. Nếu không muốn đánh, hãy xem ta chỉ trong một trận giết hàng mấy vạn mạng người cho coi, chứ không phải là nói khoác đâu!

*Nói xong các quân đều dạ ran như sấm, núi rừng rung động, chiêng trống vang rền, hành quân tiến gấp*⁷.

Cuộc duyệt binh vĩ đại và hùng tráng này được sách vở của nhiều nguồn ghi lại, nhiều tài liệu còn ghi những lời nói hùng hồn như một dạng “*hịch tướng sĩ*” nhưng rất tiếc

⁵ Cũng theo tài liệu của Hội Truyền Giáo ở Bắc Kỳ, chúng ta biết rằng Tôn Sĩ Nghị và các tướng nhà Thanh đã có những quan điểm rất “Tàu” khi họ chủ động gửi thư cho Nguyễn Huệ ấn định sẽ giao tranh vào ngày mồng 6 AL – mà các giáo sĩ cho rằng đó là một ngày tốt [theo Trung Hoa] để xuất quân – nhưng Nguyễn Huệ đã tấn công ngay ngày Tết Nguyên Đán khiến họ trở tay không kịp. Nhiều tài liệu cho thấy Tôn Sĩ Nghị đã nhận được một số thư “*trần tình*” của Nguyễn Huệ nên ra về thiên triều khi y trả lời đối phương hãy “*án binh bất động*” để ra Tết y sẽ phân xử xem ai phải ai trái. Sử Trung Hoa thường nhấn mạnh đến yếu tố chủ quan khinh địch của họ Tôn như lý do chính khiến cho quân Thanh đại bại.

⁶ Ngô Cao Lãng, *sdd* tr. 586

⁷ Ngô Cao Lãng, *sdd* tr. 586

chúng ta không có được những tài liệu khả tín nên không biết chính xác đến mức độ nào.⁸

Đụng độ với quân nhà Lê

Theo những tường thuật của các giáo sĩ tại Ninh Bình, Nam Định vào thời đó, tình hình không êm thấm như người ta thường miêu tả. Tuy đã rút quân về Tam Điệp, quân Tây Sơn vẫn cố thủ ở nhiều nơi mặc dù chưa đụng độ trực tiếp với quân Thanh. Ngoài bộ chỉ huy của Ngô Văn Sở bí mật rút đi trước, các toán quân đóng rải rác tiếp tục giao tranh với quân nhà Lê [nổi lên khi nghe tin quân Thanh sang giúp vua Lê] trong khoảng một tháng từ khi Tôn Sĩ Nghị vào Thăng Long (20-11-Mậu Thân) đến khi đại quân của vua Quang Trung kéo ra. Những trận chiến đó tuy lẻ tẻ nhưng không phải là không khốc liệt và cả hai bên đều thiệt hại. Ngô Huy Dao, một nho sĩ thần tử nhà Lê đã viết trong một khúc ngâm của ông như sau:

... Lại phân sai sắp bày tiến thảo,

Hội giáp công các đạo tranh tiên.

Mặt Nam thời chú Hàm Xuyên,

Vi thần đại thảo hịch truyền một chương...⁹

Ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (nhằm ngày 20 tháng 1 năm 1789), khi nghe tin đại quân của vua Quang Trung đang kéo ra, binh lính của Ngô Văn Sở cảm thấy lên tinh thần và bắt đầu các chiến dịch phản công. Một đạo quân Tây Sơn giao tranh với

⁸ Một chi tiết cũng khá quan trọng về trận đánh năm Kỷ Dậu là một câu văn viết bằng chữ Nôm - tương truyền là của Nguyễn Huệ khi ra Bắc – vẫn thường được sử dụng trong những nghiên cứu đời Tây Sơn:

Đánh cho để dài tóc,

Đánh cho để đen răng.

Đánh cho nó chích luân bất phản,

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn.

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.

Câu nói này trích từ một tập hợp tài liệu nhan đề Minh Đô Sử do Lê Trọng Hàm và một số người trong Nam Việt Đồng Thiên Hội sưu tầm trong khoảng từ 1922 đến 1930 được nhiều người dẫn nhưng chính học giả Trần Văn Giáp khi điểm sách cũng phải than rằng “... nhiều người quý công phu của các tác giả sách Minh đô sử, nhưng đến khi sử dụng một cách đúng đắn lại ngần ngại vô cùng” vì tính chất thiếu khoa học và xuất xứ mù mờ của nó. (Trần Văn Giáp, *Tác Phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh: Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Tập 1, 2*. Hà Nội: KHXH, 2003) tr. 317.

⁹ Lê Huy Dao, “Lữ Trung Ngâm” Nguyễn Cẩm Thuý, Nguyễn Phạm Hùng, *Văn thơ Nôm thời Tây Sơn* (tpHCM: KHXH, 1997) tr. 291-2

quân nhà Lê gần Kẻ Vinh¹⁰, thắng trận rồi đảm trách nhiệm vụ tiên phong tiến lên trước.¹¹ Những giáo sĩ đã viết như sau:

... Ngày nào cũng vậy, người ta chỉ thấy các sứ giả đem hung tin về tới thủ đô. Trong khi đó, các sĩ quan Trung Hoa, bỏ qua tai những lời kêu than và vô tình trước những đại bại [của quân nhà Lê], chỉ biết kêu gọi Tư Mã [Ngô Văn Sở] và quân Nam kỳ đầu hàng hay ra giao chiến thử tài...¹²

Ngày 29 tháng chạp (24-1-1789), quân Tây Sơn bắt đầu mở cuộc tấn công. Ngày 30 tháng chạp vượt sông Gián [Giản Thủy] đánh vào lực lượng của nhà Lê do Hoàng Phùng Nghĩa chỉ huy. Quân nhà Lê tan vỡ, Nguyễn Huệ thừa thắng tiến theo đường Thanh Quyết tiêu diệt một số đồn trại lẻ tẻ ở Nguyệt Quyết, Nhật Tảo.

Trực tiếp đụng độ với quân Thanh

Theo tấu thư của Ô Đại Kinh nhận được ngày 20 tháng giêng năm Kỷ Dậu [14-2-1789] thì ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân [20-1-1789], y tiến quân ra khỏi Tuyên Quang, ngày 29 đến chợ Bạch Hà, chỉ còn cách Thăng Long 120 dặm. Y bèn đem toàn bộ lực lượng giao lại cho phó tướng Định Trụ đóng lại đây rồi lên đường đi gặp Tôn Sĩ Nghị.¹³

Đúng ngày tết Nguyên Đán, Ô Đại Kinh hội kiến với Tôn Sĩ Nghị tại bờ sông Phú Lương [tức Nhĩ Hà] để bàn thảo tình hình và theo lệnh vua Càn Long soạn thảo hịch văn để gửi cho Nguyễn Huệ. Trong hịch văn này, họ Ô ra lệnh cho Nguyễn Huệ phải “*lập tức chạy đến quân doanh của y để tâu xin đại hoàng đế thi ân, mở cho một đường sống*”¹⁴.

Tôn Sĩ Nghị cũng viết giùm cho Ô Đại Kinh hai bản hịch văn gửi cho Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cho người chia hai đường mang đi, sau đó họ Ô quay về Bạch Hà. Như thế, ngay trong ngày đầu năm Kỷ Dậu, Tôn Sĩ Nghị và các tướng nhà Thanh vẫn còn hiu hiu tự đắc, tưởng chừng như có thể tự tung tự tác và hoàn toàn không e ngại gì về lực lượng của Nguyễn Huệ khi đó đang tiến tới gần. Những chi tiết mà các giáo sĩ ghi lại có lẽ là nội dung của các bản hịch dụ này.

¹⁰ một làng hoàn toàn theo đạo Thiên Chúa, được coi như thủ phủ của Xứ Nam (Vicariat du Tonkin occidental), một giáo khu quan trọng vào thế kỷ XVIII. Nơi đây có một trường dòng đào tạo nhiều nhà truyền giáo bản xứ (catechists) Xem thêm John R. Shortland, M.A. *The Persecutions of Annam: A History of Christianity in Cochinchina and Tonking* (London: Burns and Oates, 1875) tr. 85-9

¹¹ Đặng Phương Nghi, “Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc-tiến của Nguyễn Huệ”. Saigon, Tập san Sử-Địa 9-10 (1968) tr. 222-3

¹² Đặng Phương Nghi, *sdd* tr. 222. Chi tiết này cho thấy đúng như báo cáo của quân Thanh, Tôn Sĩ Nghị hoàn toàn hay biết việc tiến quân của Nguyễn Huệ nhưng đành nhìn rằng không dám đụng đến mình.

¹³ *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển XII, tr. 24-25

¹⁴ 令其速行投至臣處軍營。當為奏請大皇帝施恩。寬其一綫生路。(Lệnh kỳ tốc hành đầu chí thần xứ quân doanh. Đương vì tấu thỉnh đại hoàng đế thi ân. Khoan kỳ nhất tuyến sinh lộ)

Theo những miêu tả của tàn quân Thanh sau khi thua chạy, quân Nam đa diện giáp công để quân giặc không cứu ứng được nhau. Nhiều đồn lũy của quân Thanh cũng khá kiên cố và quân Nam phải thay đổi nhiều chiến thuật liên tục cho phù hợp với tình thế. Các sử gia Trung Hoa khi đề cập đến trận đánh đầu năm Kỷ Dậu dùng những câu như “*Nguyễn Văn Huệ tam hãm Lê Thành*” (Nguyễn Văn Huệ ba lần đánh Thăng Long) để nhấn mạnh là quân Nam không phải chỉ tấn công một lần là xong.

Một cách tổng quát, Nguyễn Huệ điều động nhiều binh đội tấn công đồng loạt vào nhiều vị trí khác nhau dọc từ Nam Định lên Hà Đông. Quân nhà Lê tan vỡ đã đành mà các toán tiên phong của Hứa Thế Hanh (許世亨) cũng không chống cự nổi. Trong khi địch còn hoang mang cố thủ để chờ tiếp viện thì trung quân của Nguyễn Huệ đánh thốc lên, dùng chiến thuật biển người tràn vào. Những đoàn quân tinh nhuệ nhất, được trang bị hỏa lực tối tân nhất, kể cả hỏa hổ, hỏa long trùng trùng lớp lớp, người trước ngã xuống, người sau xông lên khiến quân địch bị náo loạn. Có thể nói đoàn quân của vua Quang Trung tràn lên như những đợt sóng triều cuốn hết những chướng ngại ngăn trở đường ra kinh đô.

Theo tài liệu của Trung Hoa thì sau một ngày yếm ẩm, sáng mùng 2 Tết (27-1-1789) [giờ Mão, khoảng 6-8 giờ], Lê Chiêu Thống chạy đến báo cho Tôn Sĩ Nghị rằng thám thính cho hay Nguyễn Huệ đã đem quân vượt sông kéo đến rồi, lại phao lên rằng vì mẹ con họ Lê cầu cứu quân Thanh khiến cho đại binh tiến sang giết mất mấy nghìn binh sĩ của họ, nên quân Tây Sơn nhất quyết báo thù. Tôn Sĩ Nghị ghi trong tấu chương của y rằng “*Lê Duy Kỳ khẩn thiết kêu xin với hạ thần, chỉ mong hai mẹ con được đưa về nội địa (tức Trung Hoa), xin Đại Hoàng Đế cho cơm ăn, mong toàn tính mạng, không còn thiết gì đến chức An Nam quốc vương nữa*”¹⁵. Thấy vậy Tôn Sĩ Nghị nghĩ đến nghĩa lớn nên vỗ về an ủi khiến họ Lê “*gạt nước mắt mà đi*”¹⁶. Tuy nhiên, nhiều lời khai của những người tham dự có khác biệt mà chúng ta cần vạch ra để tìm lại sự thật¹⁷.

Tôn Sĩ Nghị liền cùng Hứa Thế Hanh liền truyền lệnh cho chư tướng sĩ rằng “*cứ xem như thế này thì quân giặc đã đang trên đường tới đây, chẳng mấy chốc sẽ chiếm cứ An*

¹⁵ Trang Cát Phát (莊吉發): *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) (Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh 1987) tr. 377

¹⁶ *hàm lệ nhi khứ* (含淚而去). Tuy nhiên những báo cáo của Tôn Sĩ Nghị có nhiều điểm không đúng sự thật và chỉ nhằm mục tiêu đổ tội cho Lê Duy Kỳ làm hoang mang lòng quân ngũ hầu tránh khỏi việc bị trừng trị. Theo những tài liệu khác nhau của chính quân Thanh cũng như của phía Việt Nam, Tôn Sĩ Nghị đã bỏ chạy trước hết, vua Lê nghe tin mới vội vàng chạy theo.

¹⁷ Những báo cáo của Tôn Sĩ Nghị và các quan lại khác đều được soạn sau khi quân Thanh đại bại chạy về Trung Hoa nên chắc chắn không đúng sự thật và cố tình tìm những lý lẽ bào chữa cho sự bất tài của mình để chạy tội. Ngoài ra, chúng ta cũng không quên sau trận chiến Việt Thanh, các quan nhà Thanh cũng cảm nhận được chiều hướng mới của triều đình là giảng hoà với An Nam nên tìm cách vẽ nên một hình ảnh “Lê Duy Kỳ lười biếng, vô tài” để cho vua Cao Tông dễ chấp nhận. Hơn nữa, tất cả những báo cáo nội bộ của vua tôi Càn Long bên ta hoàn toàn không được biết nên họ muốn nói gì cũng được theo chiều hướng có lợi và chỉ có một phần sự thật mà thôi.

Nam, giết hại mẹ con Lê Duy Kỳ, trước đây quân ta không tấn công chúng ngay được, chỉ vì đường sá xa xôi, lương thực khó khăn không dễ mà làm. Đến nay Nguyễn Văn Huệ muốn chiếm An Nam ắt sẽ tự mình đem quân đến, chẳng qua cũng vì ta vương mắc nên đã không phụng thánh chỉ triệt binh, bỏ mặc y không lo tới”¹⁸.

Tôn Sĩ Nghị thấy tình hình nguy cấp vội sai tổng binh Trương Triều Long tuyển 3000 quân tinh nhuệ chia ra đóng ở Hà Hồi, Ngọc Hồi cự địch. Thế nhưng Nguyễn Huệ quân đông thế mạnh nên họ Tôn lại phải sai Hứa Thế Hanh dẫn 1500 binh, còn y đích thân dẫn 1200 binh đi theo tiếp ứng. Tôn Sĩ Nghị cũng phi hịch điều động cánh quân Vân – Quý [đang ở Sơn Tây] ứng chiến để chia lực lượng quân Tây Sơn. Các cánh quân nhà Lê của Lê Duy Chỉ, Phan Khải Đức, Trần Quang Châu cũng vội vàng tiếp cứu tuy có thắng được vài trận nhỏ nhưng về sau đều bị đánh bại phải chạy về.

Trận Hà Hồi

Theo sử nước ta, ngày mồng 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu (28-1-1789), ngay từ tờ mờ sáng quân ta đã kéo đến, đốt sạch quân lương của địch. Vua Quang Trung đích thân chỉ huy, buộc khảm vàng vào cổ để tỏ cho quân sĩ biết phải liều chết chứ nhất định không chịu lùi. Suốt ngày mồng 3 tháng giêng (28-1-1789), Trương Triều Long mấy lần đẩy lui được đạo tiền đội của Nguyễn Huệ nhưng đến tối hôm đó thì quân Nam lại tấn công. Cũng theo tài liệu của nhà Thanh, sang ngày mồng bốn (29-1-1789), quân Tây Sơn kéo đến như đàn ong, vây kín chung quanh doanh trại của Trương Triều Long. Buổi sáng, lực lượng công hãm chủ yếu là bộ binh và các đơn vị cơ giới, đến trưa có thêm một số voi. Quân Nam dùng nhiều loại hoả khí như hoả hổ, hoả cầu, hoả long ... là các tên lửa thông dụng vùng Đông Nam Á [được dùng rộng rãi từ Miến Điện đến Xiêm La, Nam Chưởng] để đốt cháy các công sự và thành lũy của địch¹⁹. Trương

¹⁸ Trang Cát Phát, *sđd* tr. 378 (nhà Thanh vẫn coi rằng Nguyễn Huệ là nước Quảng Nam đem quân xâm chiếm An Nam là phiên thuộc của họ) Đây là tấu chương của Tôn Sĩ Nghị, có nhiều điều không đúng sự thật nhưng cũng cho chúng ta thấy quân Thanh hoàn toàn biết rõ việc vua Quang Trung tiến quân ra đánh nhưng không chống nổi. Những chi tiết về với “*vua Quang Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú Xuyên bắt sống hết được toán quân Tàu đóng ở đấy, không có một người nào chạy thoát được; vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hà Hồi và làng Ngọc Hồi không biết gì cả ...*” (Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, 1971, q II tr. 133) chỉ là tưởng tượng. Để tránh cho vua Càn Long khỏi bẽ mặt, Tôn Sĩ Nghị tự nhận lỗi về mình là đã không tuân chỉ triệt binh sớm hơn nhưng thực tế tình hình không cho phép và việc liên lạc quá xít xao. Cũng nên thêm một chi tiết, tất cả những báo cáo này đều chỉ được tâu lên sau khi Tôn Sĩ Nghị thua trận chạy về Quảng Tây nên ông ta đã có đủ thì giờ để dàn dựng lại tình hình cho thích hợp:

- đổ lỗi cho Lê Duy Kỳ bất tài và thuộc hạ vô năng
- việc điều quân của Tôn Sĩ Nghị và các tướng đúng phép
- các toan tính của vua Càn Long đều thích đáng nhưng vì cấp dưới không triệt để tuân hành nên đã thất trận

¹⁹ Michael W. Charney viết khá kỹ về chiến thuật công thành (siege warfare) trong đó những hoả khí (pyrotechnic devices) được sử dụng tại Miến Điện. “... *During his siege of Chiangmai in 1557, Bayinnaung's forces used incendiary devices to set fire to the upper works of the defenses. Rockets were also let off in great numbers to aid the siege. Rockets were an unreliable resource, however, and were easily*

Triều Long và phó tướng là Dương Hưng Long hết sức chống giữ, cầm cự liên tục một ngày một đêm để chờ viện binh, sau cùng phá vòng vây bỏ chạy, quân ta lập tức đuổi theo.

Theo lời cung khai của biện viên²⁰ Lao Hiển (勞顯) thì:

Y theo Thượng tổng binh (tức Thượng Duy Thăng) và tham tướng Vương Tuyên đem quân đóng ở đường nhỏ phía nam Lê Thành (tức Thăng Long). Ngày mồng bốn tháng giêng, quân giặc kéo đến, Lao Hiển đi theo tham tướng đem quân tiếp ứng, đến sáng sớm ngày mồng năm, mấy nghìn quân giặc vây kín doanh trại mà binh còn trong trại không bao nhiêu, Lao Hiển ra lệnh cho lính dùng súng [nguyên văn thương 鎗(súng nhỏ) pháo 礮(súng lớn)] bắn ra, đến trưa thì quân địch càng lúc càng đông, voi cũng đã đến, bắn hỏa tiễn, hỏa cầu như mưa khiến quan quân tán loạn. Sực thấy không giữ nổi nên Lao Hiển vội đem quân phá vòng vây chạy ra khỏi doanh, bị quân giặc dùng giáo đâm vào bụng ngựa, ngã vật xuống, chân bên phải lại trúng thương, không chạy được nữa, nên bị quân giặc bắt đưa vào một căn nhà trống trong thành... Mỗi ngày họ có cho người đem cơm đến, đến ngày 16 tháng 2 (tức bị giam 40 ngày), quân giặc cho ngựa, cùng tất cả các binh sĩ (cùng bị giam) được thả ra. Y nói chưa từng gặp Nguyễn Huệ, chỉ nghe nói Thượng tổng binh, Vương tham tướng bị quân giặc vây đã chết rồi nhưng không chính mắt trông thấy chuyện đó²¹.

Trận Ngọc Hồi

Lực lượng của Hứa Thế Hanh mới được điều lên lập tức bố trí chặn hậu hợp lực với tàn quân Thanh vừa chạy về vừa chống đỡ vừa cho kỵ binh dàn thành thế trận ngăn chặn quân Nam. Kỵ binh nhà Thanh tuy vẫn nổi tiếng là tinh nhuệ nhưng vẫn còn trang bị cung tên, gươm giáo (súng chỉ bộ binh mới có vì chưa tiện cho việc nạp đạn khi ngồi trên lưng ngựa, không tiện lợi bằng cung nỏ)²².

rendered useless by rain while being transported to a siege. During the Burmese attack on Syriam in 1601, Ribeyro writes that the Burmese used “bomb of fire” in their assault ... [Trong lần vây hãm Chiangmai năm 1557, lực lượng của Bayin-naung dùng hoả khí để đốt các công sự thượng tầng của phe cố thủ. Hoả tiễn được bắn rất nhiều để phụ với quan quân. Tuy nhiên tên lửa không phải là một vũ khí đáng tin cậy vì thường mất hiệu dụng khi gặp mưa trong lúc vận chuyển đến nơi công hãm. Trong lần người Miến đánh Syriam năm 1601, Ribeyro viết là phe Miến Điện dùng các “hoả cầu” để tấn công ...] (*Southeast Asian Warfare 1300-1900*, Leiden Boston: Brill, 2004) tr. 96

²⁰ gọi chung võ quan cấp nhỏ đời Thanh. Tuy nhiên khi giao trả tù binh thì Lao Hiển (勞顯) mang cấp bậc thủ bị, Trương Hội Nguyên (張會元) là đề tiêu du kích tỉnh Quảng Đông.

²¹ Trang Cát Phát, *sđd* tr. 378 (lời khai này còn giữ trong hồ sơ Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, thùng số 2778, bao số 162, đánh số 38905).

²² Không biết ở những đồn này súng ống được trang bị như thế nào nhưng sau trận đánh năm Kỷ Dậu – theo các giáo sĩ thì vua Quang Trung đã lấy được của địch quân “...2, 3000 cổ đại bác và súng thần công (chiến pháo), không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác nhau cùng với vô số tiền bạc và (đại

Sáng sớm ngày mồng năm tháng giêng, vua Quang Trung “*tự mình đốc chiến*” tập trung toàn bộ chiến tượng xưa đi đầu, các cánh quân khác ùn ùn từ các nơi đổ xuống²³. Lịch Triều Tạp Ký chép:

*...Không ngờ, hôm ấy, khi trời chưa sáng, Văn Huệ tự mình đốc chiến, dùng hơn 100 thớt voi hùng dũng đi đầu, quân tinh nhuệ tiến theo sau, đánh nhau to hồi lâu. Những con ngựa của quân kỵ và tướng soái nhà Thanh, trông thấy voi thì đều hí vang rồi quay đầu chạy lui. Lính bộ quân Thanh bị voi dầy xéo liền chạy cả vào trong hàng rào, bắn súng lớn liều chết cố thủ. Huệ và các thuộc tướng gấp rút xua voi xông pha tên đạn, nhổ rào lũy mà tiến vào ...*²⁴

Theo tài liệu của Hội Truyền Giáo Bắc Hà, quân Thanh chống trả rất kịch liệt khiến quân ta bị chết mất khá nhiều voi, Nguyễn Huệ phải bỏ voi cưỡi ngựa, xông lên đầu chỉ huy sĩ tốt.

... Ngày 30-1 [tức ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu theo AL] Quang Trung rời Kẻ Voi trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm, ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo 2 cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều sĩ

khái) tất cả những vật liệu quý giá bắt được của quân Tàu ...” để đem về Phú Xuân. Tuy nhiên cũng có thể một phần khí giới là của ông đem ra Bắc. Đặng Phương Nghi, sđd tr. 225-6.

²³ Đối chiếu với những tài liệu rải rác, chúng ta thấy đây là một thế trận khá quen thuộc của những quốc gia dùng voi như một cánh quân tiên phong để tấn công vào một vị trí đóng quân cố định của địch. Súng đại bác loại nhỏ được chở trên lưng voi tiến trước để uy hiếp, kế đó là bộ binh, sau cùng là bộ phận chỉ huy thường đi bằng ngựa hay xe. Tùy theo khả năng kỹ thuật, thế trận có thể thay đổi phần nào nhưng rõ ràng sức mạnh của tượng binh, đại pháo và súng diều thương là lực lượng chủ yếu để phá vỡ phòng tuyến của địch, thường là hàng rào đất hay tre, bên ngoài có cắm chông, hào nước và địa lôi. Trên thực tế, khi chủ tướng cưỡi voi xung trận, mặc dầu ngồi trên cao có thể tạo nên một vẻ uy nghi khác thường và cũng dễ dàng quan sát bốn bề để chỉ huy nhưng cũng lại là cái đích cho địch quân tập trung hoả lực hay cung nỏ bắn vào. Một mục tiêu to lớn với nhiều đối tượng, từ người chủ soái đến quân tượng, ngay cả bản thân con vật sẽ khó có thể chịu đựng được lâu.

Trong trường hợp đó, khi tới gần nằm trong tầm đạn của địch chủ tướng thường phải xuống khỏi lưng voi, cưỡi ngựa hoặc đi bộ. Tuy nhiên, một khi quân lính không còn thấy chủ tướng trên bành chỉ huy thường có khuynh hướng hốt hoảng, dễ bỏ chạy nên việc xông xáo của Nguyễn Huệ không phải để chiến đấu mà là để trấn an các thuộc hạ. ... *During the actual fighting, the elephant provided the commander with a lofty but quickly movable seat from which he could watch all parts of the field and issue suitable orders as the tide of battle changed from time to time ... But the use of the elephant in battle had an insoluble disadvantage as well. The king or his general, seated on the tallest elephant, presented a conspicuous target to the enemy's gunners or even the horsemen whirling round him on swift horses. If the king was hit or had, for some reason, to dismount from that elephant and take horse, his empty howdah at once convinced his troops all over the plain that their master was dead and they fled in panic. Or, if the mahout was shot off his seat the elephant could become uncontrollable ...* E. Jaiwant Paul, 'By My Sword and Shield' – traditional weapons of the Indian warrior (New Delhi: Lotus Collection, Roli Books, 1995) tr. 107-8

²⁴ Ngô Cao Lãng, sđd tr. 587

*quan và binh lính TH làm rất nhiều người chết về tay ông. Ông luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu ...*²⁵

Nói tóm lại, đội tượng binh của Nguyễn Huệ cũng chỉ có tác dụng giới hạn và thực tình không thể vượt qua được hỏa lực của quân Thanh, chưa kể đến gần đôn còn những chướng ngại vật. Sau khi bị thiệt hại khá nặng như các giáo sĩ miêu tả, Nguyễn Huệ phải cho voi thoái lui đưa khinh binh trang bị dao ngắn và hỏa hổ, đẩy các loại xe chấn lót rơm tiến lên. Trong thành địch bắn ra như mưa nên quân ta không vượt qua được hào sâu, địa lôi và chông sắt của địch²⁶. Quân Thanh đốt thuốc súng để làm mờ mắt cho quân ta không thấy đường nhưng một lát sau gió đổi chiều, quân ta liền nhất loạt xông lên, cuối cùng cũng vào được trong đôn²⁷.

Ở đây chúng ta có thể mở một dấu ngoặc để đưa ra một số chi tiết về kỹ thuật công đồn (siege techniques) của vùng Đông Nam Á mà Nguyễn Huệ đã áp dụng hay ít ra cũng rút kinh nghiệm khi ông đem quân vây thành Qui Nhơn nhiều tháng liền. Chính thất bại này đã khiến ông nhìn ra được sự bất lợi về hao tổn lực lượng và tiếp vận nếu đối phương cố thủ trong một thời gian dài nên ông luôn luôn khai thác ưu điểm về nhân lực, vũ khí trong một cuộc chiến chớp nhoáng. Chúng ta không thể bỏ qua những kinh nghiệm của chính Nguyễn Huệ trong quá trình chiến đấu, những tập quán địa phương nơi ông trưởng thành. Nghiên cứu về lịch sử khu vực Nam Á ta thấy phương thức chiến đấu tại đây sử dụng nhiều loại cơ giới tấn công vào các doanh trại cố định²⁸.

²⁵ Đặng Phương Nghi, *sdd* tr. 224. Tuy Nguyễn Huệ là một cấp chỉ huy can đảm thường đi đầu sống chết với thuộc hạ nhưng việc ông xông lên múa song đao chém quân Thanh không những điên cuồng mà còn dại dột và tặc trách nên chỉ là một điều tưởng tượng.

²⁶ Theo tài liệu của Việt Nam, Nguyễn Huệ ra lệnh cho quân lấy ván ghép lại bên ngoài bọc rơm ướt để làm một chông với tên lửa che cho đại quân theo sau. Theo dã sử, quân Thanh bắn ra khiến voi của ta không tiến lên được, Nam quân phải dựng những bức tường rơm tẩm nước để tiến lên. Theo tài liệu của Trung Hoa thì “Nguyễn Huệ ra lệnh cho quân lính dùng rơm rạ kết lại thành từng bó lớn, lăn xả vào rồi quân lính núp ở sau tiến lên” Nguyên văn: 阮文惠命兵丁以禾稈網紮成束，亂滾而前，勁兵隨後推進 (Nguyễn Văn Huệ mệnh binh đinh dĩ hoà cán khổn trát thành thức, loạn cốn nhi tiền, kính binh tuỳ hậu thôi tiến)

²⁷ Vào thời kỳ đó, thuốc súng (black powder) bao gồm 75% là potassium nitrate (saltpeter), 15% than (carbon) và 10% lưu huỳnh (sulfur), khi cháy ra rất nhiều khói. Thuốc súng mạnh hơn và không khói như các loại nitrocellulose, nitroglycerin, ballistite ... chỉ mới được chế tạo vào thế kỷ XIX. (Harold S. Sharp, *The Invention of Gunpowder* - Footnotes to World History – The Scarecrow Press, Inc. Metuchen, N.J. & London 1979) tr. 117-8. Ngoài ra cũng có thể quân Thanh và quân Tây Sơn đã đốt loại khói độc (toxic smoke-bombs) tức hỏa cầu (火毬) trong có chứa các loại thạch tín (arsenic tức phê sương 砒霜) mà thủy khấu rất thường sử dụng trong các trận đánh trên biển cả.

²⁸ Một điểm tuy không ghi trong sử nhưng cũng đáng cho chúng ta chú ý. Đó là trong quân của Nguyễn Huệ có một số đông dư đảng của Thiên Địa Hội mới thua trận ở Đài Loan [1788] chạy ra biển làm hải phủ đã được ông thu nạp. Chắc chắn khi sử dụng thành phần này, Nguyễn Huệ không thể không tìm hiểu về ưu và khuyết điểm của quân Thanh và chuẩn bị những phương thức khắc chế sở trường của địch từ kinh nghiệm của họ. Với những thuộc hạ như thế, có thể nói Nguyễn Huệ biết rõ về địch hơn là địch biết về ông.

Những miêu tả là dùng ván [Liệt Truyện] hay các cuộn rơm [Cương Mục] trong sử triều Nguyễn có lẽ là một số lá chắn bằng gỗ bọc rơm có bánh xe để tiến đến gần đồn, sau đó dùng ngay những lá chắn đó làm cầu để vượt qua hào công của địch. Phương thức công thành đó tương đối thông dụng, đã từng được sử dụng tại Miến Điện, Xiêm La và nhiều nơi khác²⁹. Những loại xe khổng lồ do người đẩy hay dùng dây thừng kéo khi vào được trong thành lại dùng như vật liệu dẫn hoả để đốt doanh trại địch và là một loại chiến xa công thành khá độc đáo của vùng Nam Á. Loại lá chắn này cũng giúp cho bộ binh không bị chôn chân tại một điểm cố định và thừa thế núp đằng sau tiến vào công thành³⁰.

Trước kia, khi binh sĩ chỉ cận chiến bằng các loại vũ khí thô sơ như gươm giáo, cung tên việc che chắn khó thực hiện và nhiều khi không cần thiết. Áo giáp là hình thức bảo vệ thông dụng hơn cả. Đây là lần đầu mà cả hai bên, ta cũng như địch, đã dùng hoả khí [súng ống, đại pháo] trong một qui mô lớn để chiếm ưu thế, chiến thuật công đồn đã thay đổi. Cải tiến kỹ thuật này là lần đầu tiên được áp dụng nên người dân Bắc Hà chưa từng chứng kiến, việc tường thuật không khỏi pha chút hư cấu, miêu tả thành ván bọc rơm mà nhiều tác giả tỏ ý nghi ngờ về phương pháp và hiệu quả của nó. Con rồng lửa nhắc đến có lẽ là những loại phi pháo của các nhóm hải phi thường dùng để đốt tàu địch chứ không phải là những bụi nhùi bằng rơm như một số sách vở chép. Tài liệu người Thanh cũng chép là quân Nam bắn rất nhiều hoả cầu, hoả hổ, hoả long. Nói tóm lại, trận Kỷ Dậu là chiến thắng chống xâm lăng đầu tiên nhờ vào quân số áp đảo cộng với hoả lực mạnh của quân Nam.

Theo lời khai và tấu chương của Tôn Sĩ Nghị thì họ Tôn thấy tình hình nguy cấp, quân Nam đã vây bốn bề nên ra lệnh cho tướng sĩ phải tử chiến một trận để báo hoàng ân, bọn Hứa Thế Hanh đáp lời xông lên trước, sau khi bắn hết đạn rồi dùng đoản binh (tức dùng gươm giáo) đánh cận chiến³¹. Quân Thanh càng đánh thì quân ta càng kéo đến đông hơn. Trong hai ngày huyết chiến, những đại tướng như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng ... đều tử trận³².

²⁹ *More threatening to the besieged were the walking, or rolling, forts employed to move attackers closer to the walls and, if they amounted to towers, to aid them in scaling the walls or firing over them.* Michael W. Charney, sdd. tr. 98

³⁰ *... After the introduction of firearms, however, defenders, firing muskets from protected positions, could wreak terrible damage on an enemy in the open field outside fortress walls. The logical reaction was for besiegers to provide as much protection as possible for their foot soldiers. Some soldiers could find ready cover behind tree trunks or on the inner slopes of dykes, but this would obviously pin a soldier down and prevent a complete rush to the walls.* Michael W. Charney, sdd tr. 97

³¹ Theo báo cáo của phía quân Thanh, trong lần tử thủ này, quân ta phải nhiều lần tiến lên đánh theo lối tràn ngập nên tổn thất cũng không nhỏ. Theo báo cáo của tù binh sau khi trở về thì “*quân của Nguyễn Văn Huệ chết chất thành đống đầu phải chỉ vài ngàn mà thôi*”. Trang Cát Phát: sdd tr. 379

³² Theo Ngụy Nguyên thì những tướng lãnh này bị chết khi tranh nhau quan cầu phao vượt sông Nhị Hà nên bị chết đuối. Ngụy Nguyên cũng viết là quân Nam đánh vào Thăng Long ngày mồng một Tết khi quân Thanh đang ăn cỗ. Thực ra mãi đến mồng 5 quân Tây Sơn mới đụng độ với quân Sâm Nghi Đống

Khí thế dũng mãnh đó khiến quân Thanh hoảng hốt bỏ chạy bị quân Nam tàn sát, chết và bị thương đến quá nửa. Hứa Thế Hanh thấy tình hình không cự nổi, đành gọi gia nhân đem ấn tín đề đốc vượt sông đem về Trung Hoa đủ biết tình hình bi đát đến chừng nào³³. Quân Nam không dừng lại lập tức tiến lên đánh vào Khương Thượng, ngoại thành Thăng Long. Đồn này do Sầm Nghi Đống và toán quân Miêu, rất thiện chiến trấn giữ³⁴. Sầm Nghi Đống chỉ huy độ 1,000 binh chống giữ rất hăng, một số lớn bị giết số còn lại đến ngày hôm sau mới ra hàng³⁵. Theo tài liệu của Trung Hoa, Sầm Nghi Đống bị chém đứt một cánh tay, ngã ngựa rồi bị giết. Hài cốt của y sau được con cháu sang nhận đem về và người Trung Hoa có xây cho y một ngôi miếu ở Hà Nội, sau này gọi là ngô Sầm công. Nhiều người nhận lầm ngôi miếu này là ngôi đền Nguyễn Huệ dựng cho các tướng nhà Thanh ở phía nam Thăng Long³⁶ theo yêu cầu của vua Càn Long³⁷.

QUÂN THANH RÚT CHẠY

Sáng ngày mồng 5 Tết, các cánh kỵ binh, tượng binh và thủy binh của Nam quân từ ba mặt cùng kéo đến vây Thăng Long. Trong khi các tướng liều chết chống cự, Tôn Sĩ

tại Đống Đa (sau này giỗ trận Đống Đa vào ngày mồng 5). Việc miêu tả Tôn Sĩ Nghị còn đang yếm ảm thì quân ta kéo đến cũng là hư cấu vì trong mấy ngày liền các trận đánh càng lúc càng ác liệt, càng tới gần, quân Thanh lo chống trả còn chưa xong, không thể nào vui chơi ca hát được. Cũng không có việc quân ta kéo đến nhanh quá nên địch không biết gì cả.

³³ Khi tướng lãnh thấy tình hình quá bi đát, phải liều chết để bảo toàn danh tiết thì sai người mang ấn tín vượt vòng vây đem về như một dấu hiệu tận trung báo quốc.

³⁴ Vào thời kỳ đó, những dân tộc thiểu số dọc theo biên giới Hoa – Việt được tổ chức thành những đơn vị dân quân, trang bị súng diều thương. Sở dĩ họ được trang bị súng vì nhà Thanh cho là dùng súng không linh hoạt và uy nghi như cung nỏ họ vẫn dùng nên đem các loại súng này (lấy được khi giao tranh với người Hời) trang bị cho các dân tộc vùng núi. Cho đến nay, nhiều sắc dân tại vùng tây nam nước Tàu vẫn còn sử dụng những loại súng cổ điển này để tự vệ và săn bắn.

³⁵ Theo tài liệu nhà Thanh, số quân Điền Châu theo Sầm Nghi Đống sang nước ta là hơn 2000 người nhưng một số chia ra đi theo các cánh quân thiểu số [mà họ gọi là di binh] ở Cao Bằng, Thái Nguyên để hỗ trợ cho Lê Duy Chỉ nên tại Đống Đa chỉ khoảng 1000 người.

³⁶ Theo nguyên văn các tài liệu thì chỉ nói là phía nam quốc đô, không rõ là Thăng Long hay Nghệ An [mà trong các giấy tờ thời đó gọi là Tân Đô]. Chúng tôi đoán phải là Thăng Long, nơi quân Thanh tử trận.

³⁷ Đặng Phương Nghi, *sdd* tr. 209. Theo lời khai của tù binh được trả về trong *Khâm Định An Nam Ký Lược* thì Sầm Nghi Đống giao tranh với quân Nam bị thương ngã ngựa nên bị giết chết. Xét về mặt thực tế, việc họ Sầm chết trong khi chiến đấu xem ra hợp lý hơn là ông ta tự ải ở gò Đống Đa như một số sách của Việt Nam. Trong tình hình cấp bách lúc đó, việc treo cổ tự tử khó có thể thực hiện. Có lẽ vì nhu cầu ngoại giao nên sử nước ta đã đưa ra một số chi tiết tránh nói đến việc họ bị giết chết cho bớt căng thẳng. Không riêng gì Sầm Nghi Đống, các tướng khác của nhà Thanh cũng ít được bên ta nhắc đến. May thay, trong các văn bản nôm còn giữ được có một bản văn tế “*cúng dâng*” quân Thanh chết trận thời Tây Sơn còn lưu lại đến ngày nay có viết: “... *Điền châu thái thú đảm đương, Liễu minh tử trận chiến trường nên công*” xác nhận Sầm Nghi Đống chết trận, đúng như lời khai của quân Thanh khi được trả về. [Xem Nguyễn Thị Lâm “Một Bài Văn Tế Tướng Sĩ nhà Thanh Tử Trận” (Thông báo Hán Nôm học 2005, tr. 373-378) và “Văn cúng quân Thanh chết trận Đống Đa: Tài liệu Nôm thời Tây Sơn” (Nghiên Cứu Lịch Sử 1997 – Số 2, 185, tháng 3-4)]

Nghị vội vàng đem mấy trăm thân binh vượt cầu phao sông Nhị Hà chạy về bắc khiến binh lính, dân phu hoảng hốt chạy tán loạn. Các tướng lãnh thấy thế cũng không còn lòng dạ nào chiến đấu nên cũng lật đật tháo chạy. Ngay sau khi qua sông, Tôn Sĩ Nghị ra lệnh chặt cầu khiến một số đang đi trên cầu rơi xuống sông chết đuối³⁸. Theo một số tài liệu thì trong số người nịch tử có hầu hết các tướng lãnh nhà Thanh nhưng theo lời khai của một số tù binh thì khi thấy cầu đứt rồi, những người chưa qua được đành quay lại huyết chiến cho đến chết³⁹.

Theo đúng kế hoạch của vua Quang Trung, các toán thủy, hải quân đã bố trí sẵn trong vịnh Bắc Việt đi theo đường sông đánh vào các lực lượng quân Thanh canh giữ các đài trạm chứa lương thực dọc từ Thăng Long lên đến Lạng Sơn.

Theo tài liệu của Trung Hoa thì tình hình xảy ra như sau:

Quân Thanh đóng ở bờ phía nam sông Phú Lương gồm ba ngàn người do tổng binh Thượng Duy Thăng (尚維昇), phó tướng Hình Đôn Hành (邢敦行), tham tướng Vương Tuyên (王宣), thổ quan Điền Châu Sâm Nghi Đống (岑宜棟) cùng kéo quân bản bộ theo nhiều đường đến tiếp cứu đề đốc Hứa Thế Hanh.

Tuy nhiên những cánh quân đó cũng đang bị quân ta vây đánh, không thể tăng viện cho nhau được. Và tình hình của bộ chỉ huy Tôn Sĩ Nghị thì:

Tôn Sĩ Nghị và bọn Khánh Thành thì dẫn hơn ba trăm quân định qua cầu nổi, nhưng bị ba, bốn nghìn quân của Nguyễn Huệ đuổi theo, vừa lúc tổng binh Lý Hóa Long dẫn hơn hai trăm quân chạy theo đến. Tôn Sĩ Nghị liền sai y đi qua bờ bên kia đóng lại tại phía bắc để hộ vệ cho ông ta qua sông. Lý Hóa Long chạy được tới giữa cầu, quính quáng trượt chân ngã xuống sông chết đuối⁴⁰, bọn tùy tùng thấy tổng binh chết rồi càng thêm hoảng loạn. Tôn Sĩ Nghị vội vàng sai bọn Khánh Thành bảo vệ phía sau, dùng súng bắn chặn, dẫn binh theo phiệt kiêu chạy qua bắc ngạn trước, sau đó chặt đứt cầu nổi khiến cho quân sĩ,

³⁸ Tài liệu của triều Nguyễn nói là cầu đứt nhưng theo chính lời tâu của Tôn Sĩ Nghị [văn thư đề ngày 15 tháng 2 năm Càn Long 54, Cung Trung Đáng, hòm 2727, bao 226, số hiệu 56526] thì chính ông ta ra lệnh chặt cầu phao. *Khâm Định An Nam Ký Lục* đã cố tình không đề cập đến chi tiết này mặc dù cũng dùng bản tấu thư nêu trên.

³⁹ Ngoài trừ Hứa Thế Hanh tử trận, các tướng lãnh khác chết ra sao không có tài liệu nào ghi chép rõ rệt. Theo *Thánh Vũ Ký* (聖武記) trang 188 thì “Tôn Sĩ Nghị sau khi qua được sông Phú Lương rồi, lập tức chặt đứt cầu phao đoạn hậu, những người còn ở bờ sông phía nam như đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long trở xuống và phu dịch hơn một vạn người (?) rơi xuống sông chết đuối”. Theo cuốn *Trường Phát Di Nhân* (長髮夷人) của Trung Hoa thì lại viết rằng “cầu phao bị giặc chặt gãy nên một số quan binh không còn đường chạy đành lộn trở lại phía Lê thành tử chiến nên bị giặc sát hại”. (Chú thích 88 của Trang Cát Phát, *sđd* tr. 412)

⁴⁰ tên là Lý Hóa Long (李化龍) đọc theo âm giống như “cá chép thành rồng” mà lại chết đuối, kể cũng lạ.

phu tướng còn ở phía nam không ai qua sông được nữa, đành phải quay lại về phía Lê thành hết sức tử chiến⁴¹.

Một tướng nhỏ là Trương Hội Nguyên (張會元) bị bắt làm tù binh khi được trả về cung khai như sau:

Lần này phụng lệnh đóng quân tại phía nam Lê thành cách chừng mười dặm, ngày mồng 5 tháng giêng, giờ Dần đánh nhau với giặc, giết được rất nhiều tặc phẩm, cho đến giờ Mùi, quân giặc càng giết càng đông, cùng xông cả lên khiến quan binh tán loạn. Hội Nguyên đem quân xung sát đến bờ sông, thấy phù kiều đứt mất rồi, không qua sông được nữa, bên mình chỉ còn độ hơn trăm binh. Hội Nguyên kêu lên rằng không lẽ bó tay chịu chết, chi bằng liều mạng đánh về phía Lê thành, giết được thêm vài đứa giặc thì có chết cũng nhắm mắt. Bọn lính nghe nói thế, ai nấy cố hết sức, theo đường cũ xung sát về hướng Lê thành, bị quân giặc vây bốn bề. Hội Nguyên bị quân giặc dùng giáo đâm trúng bên yết hầu và mạng sườn, mê man ngã xuống ngựa, lại bị chém một đao ở cổ, bất tỉnh nhân sự⁴².

Cũng ngày hôm đó, cánh quân Vân – Quý [chỉ có hơn 3000 người] đóng ở Sơn Tây của Ô Đại Kinh kéo đến sông Phú Lương để tiếp cứu thì thấy “cầu nổi đã đứt chìm mất rồi, phía bên kia sông lửa cháy rục trời”. Tuy nhiên tiếng súng đã dứt chứng tỏ quân Thanh nếu không chết thì cũng đầu hàng. Họ Ô biết rằng đại binh đã thua không dám tham chiến vội vàng theo đường cũ chạy về nước⁴³.

Việc Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy mà chưa từng chạm mặt với quân Tây Sơn là chuyện do chính y thú nhận, và chính những nhà nghiên cứu Trung Hoa cũng đồng ý về điều đó. Ngoài ra còn những chi tiết tuy nhỏ bé nhưng lại đóng một vai trò quan trọng khi chúng ta tìm hiểu về bang giao Thanh – Việt thời hậu chiến. Theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị, thì “Lê Duy Kỳ nghe tin Nguyễn tặc (tức Nguyễn Huệ) đích thân đến đánh, kinh hồn táng đờm, tay bồng con thơ, vội vàng dẫn mẹ vượt sông Phú Lương, chẳng kịp đem theo vợ, dân chúng trông thấy tình cảnh đó, cũng hoảng hốt chạy tán loạn, tin đồn lan đến quân doanh, bọn giặc cũng đã hay biết, nên chúng càng hăng tiết”. Ý của họ Tôn muốn đổ tội cho Lê Chiêu Thống chưa đánh đã chạy làm loạn nhân tâm khiến cho bị đại bại. Theo *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục – Chính Biên – Quyển XLVII* triều Nguyễn thì:

⁴¹ Trang Cát Phát, *sdd* tr. 379-80

⁴² Trang Cát Phát, *sdd* tr. 380 (trích trong *Quân Cơ Xứ*, nguyệt triệp bao, thùng số 2778, bao số 162, số hiệu 38905, lời khai của Trương Hội Nguyên)

⁴³ Những tài liệu mới đây cho thấy Ngụy Nguyên (Thánh Vũ Ký – *Càn Long Chinh Vũ An Nam Ký*) viết nhiều chỗ hoàn toàn sai sự thực. Các tướng Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long... theo Ngụy Nguyên thì chết đuối nhưng thực ra đều chết trận vì bị bỏ lại phía nam sông Nhĩ Hà không qua được sông (hoặc có thể đã chết từ trước).

Bấy giờ, đương ở nơi màn tướng, thành linh được tin quân giặc (quân Tây Sơn) đã tiến sát Thăng Long, Sĩ Nghị không biết xoay trở ra sao, bèn nhỏ đồn lũy, vượt qua sông chạy. Cầu gãy người chết vô số kể.

Bấy giờ nhà vua (tức Lê Chiêu Thống) đang hội kiến với Tôn Sĩ Nghị ở nơi màn tướng, có tám người theo hầu là Hoàng Ích Hiếu (黃益曉), Nguyễn Quốc Đống (阮國棟), Lê Hân (黎昕), Phạm Như Tùng (范如松), Nguyễn Viết Triệu (阮日肇), Phạm Đình Thiện (范廷膳), Lê Văn Trương (黎文張) và Lê Quý Thích (黎貴適) thì chợt được tin bại trận đưa đến. Sĩ Nghị rút chạy. Nhà vua cũng cưỡi ngựa cùng đi với Sĩ Nghị lên phía Bắc. Riêng Viết Triệu cầm cương ngựa đi theo nhà vua. Nhà vua sai bọn Hoàng Ích Hiếu gấp về nội điện, hộ vệ thái hậu và nguyên tử vượt qua sông. Hoàng đệ Duy Chi (維祗) hộ vệ bọn hoàng phi và cung tần đến bến sông thì cầu gãy, không qua sông được, phải hướng về phía tây mà chạy trốn⁴⁴.

Ngày mồng 9 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), Tôn Sĩ Nghị chạy được về đến Lạng Sơn. Tôn Sĩ Nghị trên đường đường chạy về lại bị quân Nam đổ ra đánh ở Phụng Nhãn (Bắc Giang) phải quăng hết đồ đạc, đến ẩn tẩn, sắc thư, cờ hiệu, bài lệnh và đều bị ta bắt được cả⁴⁵. Theo nhiều nguồn tin khác nhau, khi bỏ chạy Tôn Sĩ Nghị chỉ đem theo được vài chục thân binh, dọc đường lại thấy nơi nào cũng bị tấn công dữ dội nên phải theo đường núi mà chạy về ải Nam Quan. Trần Nguyên Hiệp trong *An Nam quân doanh kỷ lược* (bản chép tay) viết:

... Tôi với Chế Hiến (tức Tôn Sĩ Nghị) đói cơm, khát nước, không kiếm đâu ra được ăn uống, cứ phải đi suốt bảy ngày, bảy đêm mới đến Trấn-nam quan⁴⁶.

Số quân chạy được về Trung Hoa không phải là do Tôn Sĩ Nghị đưa về mà là quân Thanh đóng dọc theo trục lộ và nhất là 2000 quân đóng ở Lạng Sơn nhanh chân chạy thoát. Tuy về sau có nhiều đoàn quân lẻ tẻ chạy theo đường mòn, băng rừng vượt suối về lại Trung Hoa nhưng không phải đi theo Tôn Sĩ Nghị như ông ta đã báo cáo.

Suốt trong một tháng sau đó, quân Thanh thoát chết chạy được về theo báo cáo của quan nhà Thanh vào khoảng 8000 người, còn số tử trận và mất tích khoảng hơn 5000 tên⁴⁷.

Một điểm cần nhấn mạnh là quân Thanh được tổ chức theo lối chính quy, trang bị và y phục đều có tiêu chuẩn, rất công kênh, vương víu vốn dĩ dùng trong những lễ lạc có

⁴⁴ KDVSTGCM-CB quyển XLVII

⁴⁵ Hoa Bằng, *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792*. California: Đại Nam (không đề năm, in chụp lại theo bản lần thứ hai của Saigon: Thư Lâm Ấn Thư Quán, 1958) tr. 197

⁴⁶ UBKHXHVN, *Lịch Sử Việt Nam* (tập I) (Hà Nội: nxb KHXH, 1976) tr. 356. Chúng tôi chưa kiểm chứng được vì không có nguyên tác. Tính theo ngày Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy là mồng 5 tháng giêng, đến Nam Quan là ngày 9 tháng giêng thì chỉ mất 4 ngày chứ không phải là 7 ngày như tường thuật.

⁴⁷ Cung Trung Đáng, hòm 2727, bao 226, số hiệu 56526, tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 15 tháng 2 năm Càn Long thứ 54

tính hình thức. Áo giáp của binh lính làm bằng da và các mảnh kim loại, bên trong lót bằng nhiều lớp giấy bản tuy phần nào hữu hiệu để hộ thân trong khi chiến đấu và phòng thủ nhưng rất bất lợi khi cần di động nhanh. Miền bắc nước ta trong mùa đông, mưa phùn gió bắc, nhiều hồ ao, đầm chằm nên khi quân Thanh bị sa lầy đều không gượng được⁴⁸. Chúng ta cũng thường đánh giá quân Thanh cao hơn thực tế nhưng theo những quan sát của nhiều tác giả ngoại quốc đã tìm hiểu về thực lực của nhà Thanh thì không hoàn toàn hùng mạnh như người ta tưởng⁴⁹.

⁴⁸ Một chi tiết chép trong ngoại sử đáng chú ý: ... Ông Quang Trung thấy chỉ (tức hịch của nhà Thanh) nói xác xược thể ấy thì giận quá. Có bao nhiêu binh sĩ sẵn thì đem đi tức thì, cho được đánh quân Đại Minh (thực ra là quân Thanh nhưng khi đó miền Nam quen gọi người Trung Hoa là người Minh). Ông ấy đi vội vàng bất phân nhứt dạ (ngày đêm) cho nên trong 15 ngày thì đã đến Vân Lãng, là nơi quân Ngô đã đóng trại, cùng xông vào đánh quân ấy xuất kỳ bất ý. Vốn khi trước, ông Quang Trung đánh được nhiều trận cả thể và đã giết nhiều quân giặc; song le chẳng bao giờ được trận cả thể cùng giết nhiều giặc cho bằng lần này. Vì chùng nơi hai bên giao chiến với nhau thì đẩy những bùn lầy; mà quân Ngô thì mặc nhiều áo, cùng gánh lương thực và khí giới (giới), nó lại dùng những giày nặng nề, cho nên hễ bước xuống bùn, thì chịu phép mà thôi, không thể nào mà rút chân lên được.

Còn quân An Nam thì đi chơn (chân) không, mặc áo nhẹ và cầm gươm giáo mà thôi, thì đánh quân Ngô chẳng khác gì đánh giống ngoại vật; lại nó mắc lầy chẳng giết được người An Nam nào. Vả (sic) lại ông Quang Trung đem nhiều voi, mà quân Ngô chẳng quen đánh thể ấy; cho nên khi thấy voi thì sợ mà tìm đường trốn hết. Vậy những quân Ngô bị tử trận hay là phải chết đói khi trốn dọc đường thì hằng hà sa số. Còn lính An Nam tử (sic) trận không đầy hai trăm (?). Bao nhiêu lương thực và những đồ khí giới, vàng bạc quân Ngô đã đem sang thì lính An Nam lấy dựng cả, mà các giống ấy thì nhiều lắm, vì chừng bấy mươi con ngựa mới chở hết những vàng bạc quân ấy bỏ lại ... Sử Ký Đại Nam Việt (in lần thứ năm, 1909) [Sài gòn: Nhà In Nhà Dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân Định)] (nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản tại Sài gòn 1974, tái bản theo lối chụp ảnh tại Montréal, 1986) tr. 42-3.

Chúng tôi chỉ trích dẫn về tin đồn mà giới thừa sai ghi nhận, những chi tiết khác trong sách này nhiều chỗ sai lầm cả về địa danh cũng như nhân danh, niên hiệu.

⁴⁹ Maurice Collis đã trích lại một bản tường thuật trên tờ Chinese Repository tháng 8 năm 1836 nhận định về quân lực nhà Thanh [tuy cách sự việc vài chục năm] mà chúng tôi nghĩ rằng khá chính xác như sau: *Quân đội Trung Hoa, từ thời điểm mà họ phát minh ra thuốc súng năm 1275 đến nay [1836] không khác nhau mấy [từ đời Tống sang đời Thanh khoảng hơn 500 năm]. Các giáo sĩ dòng Tên [Jesuits] hồi thế kỷ XVII và XVIII hẳn đã đúc cho các vị Hoàng đế nhiều đại pháo tốt, nhưng không biết vì lý do gì mà họ không bắt chước nên các súng lớn họ sử dụng thường bị vỡ tung khiến pháo thủ còn nguy hiểm hơn cả kẻ thù. Nếu súng không bể thì cũng bởi vì họ dùng loại thuốc đạn phẩm chất kém nhất, mà chúng có rõ rệt nhất là khi hai chiến hạm Andromache và Imogene tấn công Hổ Môn (Bogue) năm 1834, người ta thấy tận mắt là nhiều viên đạn trúng thành tàu chỉ dội ra, nếu bắn xa được tới đó, mà chỉ một số ít vì ngay cả nhắm thẳng, hầu hết cũng không tới và có khi còn rơi ngay trước nòng súng. Thuốc súng, họ bảo rằng, do một nhà thầu địa phương cung cấp (và những ai có chút kinh nghiệm thì biết ngay nhà thầu địa phương ở Á Đông làm ăn ra sao rồi). Chính vì thế mà trận đánh chỉ làm các chiến thuyền này thiệt hại có hai người, trong khi có đến 300 đại pháo trang bị cho pháo đài Bogue và chiến hạm đã phải theo thủy triều để cự lại một luồng gió bắc nên tiến vào vùng hẹp nhất. Và pháo đài Hổ Môn (Bogue) là chiến lũy kiên cố nhất trên toàn cõi Trung Hoa.*

Còn đạo quân trú đóng ở Quảng Châu (Canton) thì chỉ để trình diễn (stage army). Bạn có thể bắt gặp mỗi khi thả bộ tới công đường. Đội quân này do một gã “trông như cu li, chân quấn xà cạp, tay cầm quạt, có khi thêm một cái roi mây”. Nếu bạn đi với vài người ngoại quốc nữa và ra vẻ như muốn đệ thỉnh nguyện thư thì công sai sẽ bước ra. Họ đi từng người một “không quân phục, không võ trang, không sửa soạn và đang ngái ngủ”. Trong đám đó có một cấp chỉ huy và thường là “viên chức cao cấp nhất có thể

TỔN THẤT CỦA QUÂN THANH

Theo tài liệu chính thức, đề đốc Hứa Thế Hanh (許世亨), tổng binh Thượng Duy Thăng (尚維昇), Trương Triều Long (張朝龍), tham tướng Dương Hưng Long (楊興龍), Vương Tuyên (王宣), Anh Lâm (英林), phó tướng Hình Đôn Hành (邢敦行), du kích Minh Trụ (明柱), Trương Thuần (張純), Vương Đán (王檀), Lưu Việt (劉越), đô ti Đặng Vĩnh Lượng (鄧永亮), thủ bị Lê Chí Minh (黎致明) đều bị tử trận⁵⁰. Còn đạo quân Vân Nam, quân Thanh bố trí từ biên giới đến Thăng Long hơn 30 trạm⁵¹, ngày mồng 9 tháng giêng năm Kỷ Dậu, Ô Đại Kinh rút lui về được đến Tuyên Quang, sau đó theo cửa quan triệt hồi.

Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh sau khi nghe tin báo đại binh đã thất trận liền sai tham tướng Vương Lập Công (王立功) đem 300 quân chạy xuống Lạng Sơn tiếp cứu những người chạy về, rồi trong hai ngày 10, 11 tháng giêng chuyên chở số binh lương, thuốc súng còn để tại Lạng Sơn về nước.

Quân Thanh trước đây đã thiết lập 17 kho lương thực dọc theo đường từ Lạng Sơn xuống Thăng Long, bố trí 5,000 quân chia thành ba toán, 2,000 người ở lại phòng thủ Lạng Sơn, 1300 người chia ra canh gác 17 kho lương thực được thành lập dọc theo tuyến đường từ Lạng Sơn đến kinh đô, 1700 người khác chia ra canh phòng các nơi hiểm yếu⁵².

Tuy nhiên, các đài trạm dọc theo đường từ Lạng Sơn đến Thăng Long quân Thanh không di tản được. Hai viên quan phụ trách đài trạm là tri huyện Lăng Vân (凌雲) Viên Thiên Quì (袁天達) và kinh lịch Trương Thành (張誠) đều tử trận⁵³. Theo báo cáo của quan nhà Thanh thì chính họ đã đốt các kho lương thực và quân cụ nhưng tổng hợp những chi tiết từ nhiều phía, rõ ràng họ không có thì giờ làm chuyện đó. Việc báo

gặp được". Y ra lệnh cho lính gác mặc quân phục lấy trong đồng quần áo vừa đem ra. Khi ăn vận rồi trông họ tươm tất hơn, trên ngực và sau lưng có thêu chữ đen trên nền vàng một chữ dưng. Kiểm của họ thì han rỉ đến nỗi rất khó khăn mỗi khi rút ra. Đây là quân chính qui và không nhiều vì khi khẩn cấp cần binh lính sẽ phải đi thuê thêm tính theo ngày ... Collis, Maurice. Foreign Mud: being an account of the Opium Imbroglia at Canton in the 1830's and the Anglo-Chinese War that followed. (London: Faber and Faber Limited, 1946) (reprinted 1969 by John Dickens & Co Ltd Northampton) tr. 187-8

⁵⁰ Trang Cát Phát, *sdd* tr. 380

⁵¹ Về số đài trạm mà quân Thanh thiết lập từ Vân Nam theo tấu thư của Phú Cương thì từ Mã Bạch đến An Biên là 11 trạm, từ An Biên đến Tuyên Quang là 14 trạm, từ Tuyên Quang đến Thăng Long hơn 10 trạm. KDANKL, quyển XI, tr. 26

⁵² Tôn Sĩ Nghị vốn dĩ định sau khi chiếm được Thăng Long rồi sẽ đem quân đánh vào Quảng Nam nên đã dự bị thủy lục hai mặt, quân thủy nửa tháng sau sẽ qua nhưng vì thuyền lớn qua không được mà cửa sông Nhĩ Hà thì quân ta đã chặn rồi nên ra lệnh cho đóng 40 chiến thuyền, đủ sức chở 2,000 quân, lập thêm 25, 26 trạm trên bộ cách nhau chừng 8, 90 dặm, ngoài ra còn xây thêm 53 trạm lương thực từ Thăng Long vào Phú Xuân. Tuy nhiên khi Tôn Sĩ Nghị bị thua ở Thăng Long thì những công tác này không thực hiện được.

⁵³ Cung Trung Đáng, hòm 2727, bao 225, số hiệu 56262, tấu triệp của Tôn Vĩnh Thanh đề ngày 14 tháng giêng năm Càn Long 54 (Trang Cát Phát: *sdd* tr. 380-1)

cáo là toàn bộ lương thực, khí giới đã bị thiêu huỷ cũng có thể chỉ là ngoa ngôn để che dấu việc bị quân Nam chiếm đoạt. Theo các giáo sĩ phương Tây, số lượng “chiến lợi phẩm” quân Tây Sơn thu được rất lớn trong đó bao gồm nhiều đại pháo.

Theo Lại Phúc Thuận thì:

Ngày mồng 5 tháng giêng năm Càn Long thứ 54 (Kỷ Dậu 1789) Lê thành bị thất hãm, Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt bỏ chạy, dẫn theo 500 quân qua sông, còn bao nhiêu bỏ lại bờ phía nam sông Phú Lương cho địch giết. Ngày mồng 9 tháng giêng, Tôn Sĩ Nghị chạy được về Lạng Sơn, thu hồi tàn binh. Ngày 11 lui về đến Trấn Nam Quan. Khi trước Tôn Sĩ Nghị ở Lê thành quân số tổng cộng 5,700 người, thêm tổng binh Thượng Duy Thăng chỉ huy 3,000 người đóng ở bờ sông, tổng cộng 8,700 người, chạy về được đến Trấn Nam Quan hơn 3,000 người. Còn lại hơn 5,000, kể cả những người tử trận ở sông Thị Cầu và bệnh hoạn mà chết, thêm một số về sau chạy được trở về cửa ải. Cuối tháng 3, tân nhiệm Lương Quảng tổng đốc là Phúc Khang An báo cáo là ở Trấn Nam Quan mỗi ngày vẫn còn 3, 4 có khi 7, 8 người qua ải, phần lớn bệnh hoạn hoặc bị trọng thương⁵⁴.

Trong bản văn tế “*Xuất Sư An Nam Trận Vong Tướng Sĩ*” (出師安南陣亡將士), liệt kê rõ như sau⁵⁵:

Nguyên văn

乾隆五十五年十二月，是年，追予出師安南陣亡游擊蕭應得一員，都司虛文魁等六員，守備馮天輿等九員，千總楊赴龍等十四員，把總李世俊等十員，外委謝廷超等九十一員，額外外委關秀芳等十四員，漢士馬步兵丁李上通等六千八百七十六名，祭葬恤賞如例，俱入祀昭忠祠。

Dịch âm

Càn Long ngũ thập ngũ niên thập nhị nguyệt, thị niên, truy dư xuất sư An Nam trận vong: du kích Tiêu Ứng Đắc nhất viên, đô ti Hư Văn Khôi đẳng lục viên, thủ bị Phùng Thiên Dư đẳng cửu viên, thiên tổng Dương Phó Long đẳng thập tứ viên, bả tổng Lý Thế Tuấn đẳng thập viên, ngoại uỷ Tạ Đình Siêu đẳng cửu thập nhất viên, ngạch ngoại ngoại uỷ Quan Tú Phương đẳng thập tứ viên, Hán sĩ mã bộ binh đình Lý Thượng Thông đẳng lục thiên bát bách thất thập lục danh, tế táng tuất thưởng như lệ, câu nhập tự Chiêu Trung Từ.

Dịch nghĩa

Tháng 12 năm Càn Long thứ 55 (1790) truy cứu những người chết trận trong chuyến đánh An Nam gồm có: một du kích là Tiêu Ứng Đắc, sáu đô ti là bọn Hư Văn Khôi, 9 thủ bị là bọn Phùng Thiên Dư, 14 thiên tổng là bọn Dương Phó

⁵⁴ Lại Phúc Thuận, *sđd* tr. 145

⁵⁵ Quách, Chấn Phong (郭振鋒) và Trương Tiểu Mai (張笑梅) (chủ biên). *Việt Nam Thông Sử* (越南通史) (Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân đại học xb xã, 2001) tr. 526

Long, 10 bả tổng là bọn Lý Thế Tuấn, 91 ngoại uỷ là bọn Tạ Đình Siêu, 14 ngoại uỷ ngoại ngạch là bọn Quan Tú Phương, còn lại mã binh, bộ binh, quân sĩ là 6876 người, theo lệ tế và chôn cất, thưởng tuất, tất cả đều được thờ trong Chiêu Trưng Từ.

Xem như thế chúng ta thấy theo danh sách chính thức của nhà Thanh, số binh sĩ tử trận, ngoài những võ quan cao cấp như đề đốc, tổng binh ra, số quan binh trung cấp và lính thường gồm có:

- du kích	1
- đô ti	6
- thủ bị	9
- thiên tổng	14
- bả tổng	10
- ngoại uỷ	91
- ngoại uỷ [ngoại ngạch]	14
- mã bộ, binh đinh	6876
<u>Tổng cộng</u>	<u>7021</u>

Theo qui chế nhà Thanh, gia đình những người tử trận được hưởng tiền tử tuất tính bằng ngân lượng như sau: đề đốc (800), tổng binh (700), phó tướng (600), tham tướng (500), du kích (400), đô ti (350), thủ bị (300), thủ ngự sở thiên tổng (250), vệ thiên tổng (200), doanh thiên tổng (150), bả tổng, ngoại uỷ (100), mã binh (70), bộ binh (50), hương dũng, thổ binh (25)⁵⁶.

Ngoài ra còn khoảng gần 800 người bị bắt, tính ra quân Thanh (chính qui) tổn hại tổng số độ 8000 người. Những con số trên đây không tính tới thành phần tham chiến khác như quân Cần Vương của nhà Lê, các thổ binh, thổ hào, dân phu, và một số đông phu mỗ, Hoa kiều ... có thể cũng bị giết trong khi giao chiến hay bị trả thù. Những con số đó không tính được là bao nhiêu, có thể lên đến hàng vạn người nữa. Theo cách tổ chức quân đội và điều động nhân sự của nhà Thanh, trong những lần viễn chinh, số lượng dân phu sử dụng thường từ 3 đến 5 lần số quân hiện dịch. Riêng cánh quân Lương Quảng, số dân phu điều động lên đến khoảng một chục vạn người nhưng có mặt tại trận địa lúc đó chắc ít hơn. Nếu cho rằng số dân phu bị chết ít ra cũng phải tương đương với số quân lính thì dân phu người Thanh thiệt hại khoảng một tới hai vạn. Con

⁵⁶ Lai Phúc Thuận, *sđd* tr. 409-10. Theo qui chế nhà Thanh dân phu bị chết trong chiến dịch này không được hưởng trợ cấp tử tuất, vừa để giảm thiểu chi phí cho triều đình, vừa để thu hẹp tổn thất. Đó chính là chênh lệch trong hai cách tính của Việt và Thanh. Đối với chúng ta, bất cứ người nào đi theo đoàn quân Tôn Sĩ Nghị thì đều là “*quân Tàu*”, không phân biệt. Đây là điểm quan trọng cần lưu ý khi nói đến số quân Thanh sang đánh nước ta cũng như thiệt hại của họ.

số dân phu tử thương này [phần lớn là các dân tộc thiểu số sống ở nam Trung Hoa và rừng núi biên giới Hoa – Việt] nhà Thanh bỏ lơ không nhắc đến mà bên nước ta thì cũng không muốn khơi ra nên số người Trung Hoa bỏ xác lại trên đất Việt vẫn chỉ là những ước đoán⁵⁷.

Đáng kể nhất phải là toán thổ binh Điền Châu của Sầm Nghi Đống từ Quảng Tây và quân của châu Bảo Lạc là người thiểu số của nước ta từ biên giới xuống. Theo sử nhà Thanh thì một số đông dân phu mỗ (mà họ gọi là xướng binh) là dân Trung Hoa lén trốn sang làm việc ở nước ta đã tự nguyện đi theo đoàn quân Thanh và thành phần này bị thiệt hại khá nặng. Theo nhiều đề cập trong các văn thư của nhà Thanh, số xướng dân đi theo quân Thanh có đến mấy vạn người. Thành phần này vốn dĩ sống ngoài vòng pháp luật nên khi xuống Thăng Long quen thói cường đạo, những nhiễu nên khi thua trận bị dân chúng tìm giết rất nhiều. Vì quen địa thế những người sống sót đã chạy được về Tàu và được đặc ân không bị bắt tội (theo luật nhà Thanh, những ai bỏ nước ra đi đều mang tội phản quốc và vì thế Thanh triều không can thiệp vào những vụ tàn sát Hoa kiều ở các nước Đông Nam Á như trường hợp Phi Luật Tân, Gia Định ...). Tổng cộng số quân Thanh và đồng bọn chết trong chiến dịch này lên đến trên dưới năm vạn người, mặc dù nhà Thanh chỉ đề cập đến thành phần chính qui của họ bị tổn thất [tức thành phần được hưởng tử tuất] vào khoảng trên dưới một vạn mà thôi.

Theo con số thu thập của Lai Phúc Thuận, tổng số chi phí mà triều đình nhà Thanh đã tiêu vào cuộc chiến ở Việt Nam là 1,346,508 lượng bạc bao gồm tỉnh Quảng Tây chi ra 1,057,322 lượng và tỉnh Vân Nam chi ra 289,186 lượng.⁵⁸ Trong những chiến dịch lớn mà vua Cao Tông tự hào, chiến dịch này là chiến dịch ít tốn phí hơn cả.

Cuộc chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu không phải là không đem đến những tổn thất cho quân ta. Tuy vua Quang Trung hết sức giấu kín tổn thất của bên mình nhưng quân ta cũng phải chết đến hàng vạn người và một số tướng lĩnh tử trận, trong đó có cả một đô đốc được an táng rất trọng thể. Riêng trận Ngọc Hồi, theo sự ghi nhận của các giáo sĩ Tây phương đang ở Bắc Hà, bên ta thiệt hại ít ra cũng phải 8000 người.⁵⁹ Nguyễn Huệ sau khi đánh thắng quân Thanh, ông lập tức xúc tiến việc phòng thủ bằng cách bắt tất cả binh lính và dân chúng “*xây một lũy đất dày 6.6 m (20 feet), cao 3.6 m (12 feet) chung quanh điện của Chiêu Thống*”⁶⁰, đồng thời sai Ngô Văn Sở đem truy binh đuổi theo quân Tàu nhưng bị quân địch đẩy lui⁶¹.

⁵⁷ Theo một số tài liệu, xác người Thanh được gom lại chôn tập thể thành 12 gò ở ngoại ô Thăng Long. Tuy nhiên có lẽ đây chỉ là một phần nhỏ vì dù cho mỗi gò có khoảng 200 xác thì cũng chỉ độ hơn 2000 người.

⁵⁸ Lai Phúc Thuận, *sđd* tr. 430

⁵⁹ Đặng Phương Nghi, *sđd* tr. 224.

⁶⁰ Đặng Phương Nghi, *sđd* tr. 225.

⁶¹ Đây cũng là một câu hỏi cần được đặt ra vì theo các chi tiết từ sử liệu Trung Hoa, không có một trận đánh lớn nào xảy ra sau khi quân Thanh đã thua chạy và họ cũng không có đủ thời giờ hay phương tiện để ngăn chặn quân Nam. Số lượng quân Thanh đóng giữ tại các đài trạm cũng không nhiều, làm nhiệm

Nhiều chi tiết cho chúng ta một kết luận là chính vua Quang Trung không muốn đuổi tận giết tuyệt vì còn để một khoảng trống ngõ hầu tiến hành việc bang giao với nhà Thanh, một sứ mạng mà ông cho rằng quan trọng hơn một thắng lợi quân sự. Nguyễn Huệ đã có một kế hoạch “*giữ thể diện*” cho nhà Thanh trước khi ông tấn công nên hết sức tránh những động thái nào có vẻ như khiêu khích đối phương, và sau khi lấy lại Thăng Long rồi ông cũng cố gắng giảm thiểu việc truy sát. Theo những lời khai của tù binh và quân sĩ chạy về được, thái độ của quân Nam xem ra rất độ lượng trong việc đối xử cũng như tạo cơ hội cho họ khỏi mất mặt. Xem như thế, vua Quang Trung đã có một chính sách cụ thể và minh bạch ngay từ đầu về mục tiêu tái lập bang giao với Trung Hoa.

Dân chúng sống trong vùng biên giới ở nam Trung Hoa khi nghe tin Tôn Sĩ Nghị đại bại, e ngại một cuộc tập kích tiếp theo nên cũng hoảng vía thu dọn tài sản chạy loạn. Về việc này, sử nước ta có phóng đại ít nhiều nhưng không phải là không có. Chính trong một mật chỉ của vua Càn Long gửi Phúc Khang An cũng có đề cập đến việc cử ông ta tới làm tổng đốc Lương Quảng nhằm mục đích “*trấn định nội địa nhất đãi nhân tâm*” [để làm yên lòng người một dải biên giới]⁶².

Trong thời gian mấy tháng liền, vua Quang Trung đã phòng ngự cẩn mật để phòng một cuộc đại chiến thứ hai và đến khi thấy việc thông hiếu với nhà Thanh đã hình thành, ông mới đem chiến lợi phẩm về Phú Xuân.

Một nhân vật hoàn toàn không còn được nhắc đến sau trận đánh đầu năm Kỷ Dậu là Lê Duy Cận, có lẽ cũng là một nạn nhân của trận chiến. Chúng ta chỉ biết rằng trước đây vua Cao Tông đã ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị “*truyền dụ cho Lê Duy Kỳ đem Lê Duy Cận giải sang nội địa [Trung Hoa] để an táp*”. Tuy nhiên Lê Duy Kỳ – có lẽ một phần vì tình đồng tộc [Lê Duy Cận là chú Lê Duy Kỳ] đã chống chế rằng “*Lê Duy Cận là kẻ ngu si, dễ dàng quản thúc, hiện đã bị giám sát mọi cử động không thấy có điều gì khác lạ, trong tương lai nếu có chuyện gì đáng ngờ, lúc đó giam cầm nghiêm trị cũng còn kịp*”⁶³. Như vậy, Lê Duy Cận đã cùng với một số đồng tôn thất nhà Lê ra hàng khi quân Thanh tiến vào Thăng Long và sử sách chỉ thấy chép một số ít sau này nổi lên chống lại triều đình Tây Sơn ở các vùng rừng núi phía tây và thượng Lào nên có lẽ đã bị thất tung trong cơn binh lửa.

Về phần quân Nam, trong vai tấn công, đánh biển người, đánh thí mạng chắc chắn thiệt hại cũng không ít nhưng con số không được tính toán chính xác nên không rõ là bao nhiêu. Thành phần tân tuyển từ Thanh – Nghệ hẳn là đông hơn cả. Số binh lính đó về sau không biết ra sao, phần lớn phải tự tìm đường trở về nhà nhưng không ít người

vụ canh gác hơn là chiến đấu nên hầu như không nơi nào có điều kiện để chiến đấu mà chỉ mạnh ai nấy chạy khi nghe tin đại binh đã thua.

⁶² Thượng dụ gửi Phúc Khang An. *Khâm Định An Nam Kỷ Lục*, quyển XIII, tr. 29a

⁶³ Trang Cát Phát, *sdd* tr. 375

hoà nhập với dân ở ngoài bắc hoặc lần mò tới một số vùng đất tân bồi vùng duyên hải lập nghiệp, kiến tạo một số làng xã mới vẫn còn tồn tại tới ngày nay⁶⁴.

⁶⁴ Đặng Phương Nghi, *sđd* tr. 226.

Họ và Tên	Chức vụ – Cấp bậc	Số lượng	Tình trạng	Chú thích
Tôn Sĩ Nghị Phú Cường	Tổng đốc	2 người	Về nước an toàn	Quan đứng đầu trông coi một, hai hay ba tỉnh
Ô Đại Kinh	Đề đốc	1 người	“	Chỉ huy trưởng quân sự của một, hai hay ba tỉnh
Định Trụ Tôn Khởi Giao	Tổng binh	2 người	“	Chỉ huy quân sự của một tỉnh
Khánh Thành	Phó tướng	1 người	“	

Họ và Tên	Chức vụ – Cấp bậc	Số lượng	Tình trạng	Chú thích
Hứa Thế Hanh (許世亨)	Đề đốc	1 người	Tử trận	
Thượng Duy Thăng (尚維昇) Trương Triều Long (張朝龍)	Tổng binh	2 người	“	
Lý Hoá Long (李化龍) Hành Đôn Hành (邢敦行)	Phó tướng	2 người	“	
Dương Hưng Long (楊興龍) Vương Tuyên (王宣) Anh Lâm (英林)	Tham tướng	3 người	“	
Tiêu Ứng Đắc (蕭應得) Minh Trụ (明柱) Trương Thuần (張純) Vương Đàn (王檀) Lưu Việt (劉越) Vu Tông Phạm (于宗範)	Du kích	6 người	“	Chết tại Thăng Long “ “ “ “ Chết trong trận Thị Cầu
Hư Văn Khôi (虛文魁) Đặng Vĩnh Lượng (鄧永亮)	Đô ti	6 người	“	4 người không rõ tên họ
Phùng Thiên Dư (馮天輿) Lê Chí Minh	Thủ bị	9 người	“	7 người không rõ tên họ

(黎致明)				
Dương Phó Long (楊赴龍)	Thiên tổng	14 người	“	13 người không rõ tên họ
Lý Thế Tuấn (李世俊)	Bả tổng	10 người	“	9 người không rõ tên họ
Tạ Đình Siêu (謝廷超)	Ngoại uỷ	91 người	“	90 người không rõ tên họ
Quan Tú Phương (關秀芳)	Ngoại uỷ (ngoại ngạch)	14 người	“	13 người không rõ tên họ
Viên Thiên Quì (袁天達)	Tri huyện	1 người	“	
Trương Thành (張誠)	Kinh lịch	1 người	“	
	Binh sĩ	6876 người	“	mã bộ, binh đình
Sâm Nghi Đống (岑宜棟)	Thổ quan	1 người	“	
Xưởng dân		Chết từ 5000 đến 10000 người	“	Là dân phu mỗ lậu ở biên giới Khoảng chừng 20000 người đi theo quân Thanh
Thổ binh		Chết chừng 1000 đến 1500 người	“	Là dân binh thiếu số được điều động khoảng 2000 đến 3000 người
Dân phu từ Trung Hoa sang		Chết khoảng 10,000 tới 20,000 người	“	Không có số liệu [ước chừng 100,000 người] luân chuyển lẫn nhau
Hoa kiều		Không có số liệu	“	Không rõ số liệu
Quân nhà Lê		Chết khoảng 5,000 đến 10,000 người	“	Không có số liệu [có thể lên đến 30,000 người]

NHẬN ĐỊNH

Trước đây đã có nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến ưu điểm và khả năng của Nguyễn Huệ trong chiến thắng Kỷ Dậu. Chiến thuật của Nguyễn Huệ được thực hiện do nhiều yếu tố:

a/ Tập trung nhanh: Một trong những yếu tố khiến quân Tây Sơn có thể tấn công bất ngờ là việc họ có thể tập trung một binh lực áp đảo về lượng cũng như về phẩm mà địch không tiên liệu được. Không ít sách vở đề cao về ưu điểm làm tướng của Nguyễn Huệ, đó là kỷ luật nghiêm minh.

Lẽ dĩ nhiên, kỷ luật thép là một yếu tố quan trọng nhưng việc cưỡng chế không thể không đưa đến những hình thức trấn áp khiến binh sĩ chỉ biết tiến chứ không lùi. Trong một mức độ nào đó, kỷ luật và đè nén rất khó phân biệt. Đối với các nhà nghiên cứu, kỷ luật quân đội chỉ có thật khi đời sống của người lính được bảo đảm mọi mặt, nhất là phần lương thực, trang bị và những nhu cầu cá nhân kể cả bản thân họ và gia đình.

Vào thời kỳ đó, những cánh dân quân tổ chức còn lệ thuộc nhiều vào tương quan “chủ tướng – thuộc hạ” không có những doanh trại trú đóng những đại đơn vị thường trực trong tư thế “*nuôi quân ba năm dùng một giờ*” để khi nào cần đến là có ngay. Theo nhận xét của giáo sĩ de la Bissachère, quân của Nguyễn Huệ đều là dân binh được tuyển mộ gấp rút từ các làng xã dọc theo trục lộ tiến quân, tới đâu bắt lính tới đó và lớn dần theo hiện tượng tuyết lăn⁶⁵.

Trong trận Kỷ Dậu, lực lượng chủ yếu của ông là quân bản bộ Ngô Văn Sở đóng tại Tam Điệp cộng thêm số quân “*vét*” được trên đường ra Bắc, đáng kể nhất tại hai xứ Thanh Nghệ. Danh tiếng của Ngô Văn Sở đã vang dội tới tận tai vua Càn Long chứng tỏ công lao không nhỏ trong chiến dịch này.

Những việc có tính chất thủ tục như tập hợp đại binh để cưỡi voi truyền hịch chắc không làm rầm rộ như người ta sau này phóng đại. Việc hỏi ý kiến các nho sĩ miền

⁶⁵ ... *une nombreuse armée chinoise étant venue au Tonquin pour rétablir sur le throne l'ancienne famille Lé qui s'était réfugiée à Pékin, Quang trung qui pour lors était en Cochinchine apprenant l'arrivée de cette armée chinoise accourut au Tonquin seulement avec quelques centaines de soldats, il marchait jours et nuits ramassant sur sa route par force tous les hommes en état de porter les armes, il n'avait d'autres provisions que celles qui se trouvoient dans les villages par où il passait, il faisait couper la tête à tous ceux qui refussaient de le suivre, et bruloit les maisons de ceux des habitans qui ne mettaient pas à la disposition de ses troupes, du riz des buffles et des cochons, souvent de rage et de colère il faisait tuer devant lui les hommes et les chevaux qui ne pouvoient pas marcher ... [... khi nghe tin Trung Hoa đưa một đạo quân đông đảo sang Bắc Hà để lập lại ngôi vua cho dòng họ Lê hiện đang lánh nạn tại Bắc Kinh, Quang Trung lập tức đem vài trăm quân rong ruổi ngày đêm và cưỡng bách ngay trên đường đi tất cả những ai có thể chiến đấu được, lương thực thì không gì khác hơn là của dân chúng những làng mạc ông đi ngang, ai không theo sẽ bị chặt đầu, ai chống lại sẽ bị đốt nhà và tịch thu thóc gạo, trâu bò, lợn và giận dữ giết ngay người ngựa nào không đủ sức bước đi ...] Charles B. Maybon, *La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr de la Bissachère* (Paris: Librairie Ancienne Honoré Champion, 1919) tr. 132*

Bắc lại càng không thể làm, vì bí mật quân sự cũng có, vì tình hình thực tế cũng có. Bài hịch hùng hồn của Nguyễn Huệ chép trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí nếu không phải là một hư cấu của người kể chuyện thì cũng là một sáng tác sau này để chính danh hoá việc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc, tô điểm cho chiến dịch sau khi đã thành công. Những tạo dựng như thế không phải là hiếm trong lịch sử.

b/ Trang bị nhẹ: Trang bị là một yếu tố quan trọng trong di hành. Quân của Nguyễn Huệ vào thời đó bao gồm rất nhiều sắc dân, chủ yếu là các sắc dân thiểu số Đàng Trong với lối ăn mặc hết sức giản dị thường chỉ đóng khố, đi chân không. Cánh quân người Kinh của ông thì ăn mặc giống như người Chàm ngày nay, quần áo thoải mái, không quân phục mà là quần áo hàng ngày, vừa che thân, trang bị tự túc. Truyền thống không đi giày của vùng Nam Á trở thành một yếu tố quyết định trong chiến thuật gọi là “*thần tốc*” của vua Quang Trung⁶⁶.

Vấn đề quan trọng nhất của quân đội là vũ khí và lương thực thì đã có những kho ông để sẵn, không nhiều nhưng đủ để cho quân của ông ăn từ 5 đến 10 ngày⁶⁷. Để xây dựng một tân đô ở Thanh Nghệ, ông đã tập trung khá nhiều nhân lực, tài lực, vật liệu về vùng này kể cả những kho lương thực để làm hậu cần cho quân đội. Một kinh đô hành chánh không thể không có những huyết mạch kinh tế kèm theo. Đây cũng là một yếu tố cần nghiên cứu về sự thất bại quá dễ dàng của quân Thanh khi họ chỉ chiếm được Thăng Long, một kinh đô “*ảo*” đã mất hết “*vượng khí*” như lối tin tưởng của người vùng Nam Á và họ phải tìm một vùng đất mới để xây dựng trung đô⁶⁸.

Những cánh quân di chuyển mang một số lượng lương thực ít ỏi như thế nên họ có thể đi nhanh và chỉ được nghỉ khi đến trạm kế tiếp để lấy thêm lương thực. Việc tự mang lấy lương thực cũng là một cách để gia bội lực lượng chiến đấu, giảm thiểu cơ cấu hậu cần. Trong khi một binh sĩ chiến đấu của quân Thanh cần từ ba [nếu di hành trong khu vực nội địa] đến năm [nếu chiến dịch bên ngoài biên giới] phu dịch để phục vụ thì mỗi người lính của vua Quang Trung đều tự bảo đảm việc cung cấp cho chính mình, cả lương thực tự mang theo lẫn mưu sinh tự túc. Người nước ngoài đã ghi nhận khung cảnh “*toàn dân vì binh*” ngay từ những ngày đầu tiên đến vùng Đông Nam Á.

⁶⁶ một tấm hình của họa sĩ William Alexander vẽ một người lính Đàng Trong năm 1792 cho chúng ta những chi tiết đáng chú ý về y phục của quân Tây Sơn. Hậu cảnh bức tranh này là một đôi vợ chồng trẻ, nghèo đến nỗi chỉ có một bộ quần áo nên phải chia ra vợ mặc quần, chồng mặc áo. Một tấm hình vẽ viên quan và tiểu đồng so sánh rất giống y phục của các trưởng lão trong cộng đồng người Chăm hiện đang sinh hoạt tại hải ngoại.

⁶⁷ Theo những nhà nghiên cứu, binh sĩ chỉ có thể mang theo mình lương thực 10 ngày là tối đa, hành quân lâu hơn phải có một hệ thống tiếp liệu. Lính tập và các đơn vị binh sĩ người Việt thời Pháp thuộc mang gạo bằng những ruột tượng bắt chéo trên vai xuống hông.

⁶⁸ Chính niềm tin rằng Thăng Long không còn xứng đáng là thủ đô nữa nên về sau Nguyễn Huệ đã nâng nặc xin nhà Thanh xuống Nghệ An để phong vương. Trong những thư từ qua lại với Nguyễn Thiếp, Nguyễn Huệ cũng chủ yếu nhờ “*đạo sĩ*” này xem đất để xây cung điện chứ không phải muốn dùng ông vì tài kinh bang tế thế.

Nói tóm lại, với số đông và tinh thần cảm tử đã đưa chiến thắng của dân tộc Việt Nam trở thành "thần thánh" và nâng Nguyễn Huệ lên hàng "thiên tài quân sự". Ít ai trong chúng ta lại tìm hiểu và so sánh chiến công này với những trận đánh trước đó không lâu của người Miến Điện chống lại quân Thanh hay giao tranh giữa người Xiêm La và người Miến. Những trận đánh đó cũng khốc liệt không kém và chiến thuật sử dụng voi để làm tiền đạo, kỵ binh và bộ binh tiến theo chính là một điều hợp quân sự khá thông dụng và phổ biến ở khu vực Nam Á ảnh hưởng văn minh Ấn Độ.

Trận Kỷ Dậu đã đem lại một tinh thần mới. Quân của vua Quang Trung có một số đông là người Bắc Hà, các tướng lãnh quan trọng nhất cũng gốc miền bắc và nhất là đáp ứng được truyền thống của một khu vực luôn luôn nơm nớp lo sợ bị Bắc xâm nên chiến công này đã làm thay đổi hoàn toàn cái nhìn của dân chúng. Nguyễn Huệ trở thành một anh hùng được toàn dân sùng bái mà triều Nguyễn sau này dù muốn xoá nhòa cũng không sao làm nổi.

c/ Chủ đông tấn công: Nhiều sử gia vẫn ngạc nhiên về chiến thuật bất ngờ và chớp nhoáng mà chúng ta thường gọi là thần tốc. Thực tế cho thấy, đây là một yếu tố quyết định của những thắng lợi trong suốt cuộc đời cầm quân của ông. Mặc dầu ông không bỏ qua yếu tố địa hình (advantage of terrain) và tấn công từ nhiều phía, nhiều hướng, nhiều mặt nhưng nếu không có tính chất đột ngột và quân số áp đảo (surprise attack with superior numbers), chúng ta khó có thể tin rằng Nguyễn Huệ đạt được như mong muốn.

Nguyễn Huệ đã khai thác được nhược điểm cốt lõi của đối phương (crucial errors) và đã lướt thắng được những ưu điểm của một đoàn quân trú phòng chính vì ông tìm ra được cách tấn công chí mạng. Rõ ràng ông không dàn trận để đợi địch tới như phương pháp chúng ta thường thấy của một đội quân yếu và ít đánh với một kẻ địch mạnh và đông, mà trái lại ông để cho địch đã bố trí đâu ra đấy rồi mới tìm cách phá giặc. Chiến thuật của ông cho ta thấy một điểm mà ít sử gia nhắc tới. Ông luôn luôn ngghi ngại việc tập trung đóng quân ở những vùng đất lạ – và cũng là vùng đất thù – như ở Bắc và Nam vì ông biết rằng một khi đã đồn trú và bảo vệ diện địa, ông trở thành bị động, là kẻ bị tấn công mà không còn thế tiên cơ như khi đem quân tới tấn công địch.

Ông cũng nắm được nhược điểm của chính ông là không thể duy trì một cuộc chiến kéo dài mà không bị khó khăn về binh lương, về nhân lực. Cuộc tranh chấp của Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc tại Qui Nhơn năm 1788 đã cho thấy ông không có ưu thế về công kiên khi địch quân cố thủ trong thành. Ta cũng thấy Nguyễn Huệ có nhiều ưu điểm hơn khi mặt trận xảy ra trên đất "lạ" vì ông không bị ràng buộc với địa phương như khi đánh tại Qui Nhơn. Các nhà nho thường dùng những từ ngữ mang tính gợi hình như "quyển địa" [cuốn đất] để miêu tả cách hành binh thần tốc và bất ngờ. Đoàn quân ấy đi đến đâu lập tức phân tán lẫn vào thôn ấp, sử dụng những công ốc như đình chùa, miếu mạo ... làm chỗ đóng quân nên không khỏi bị dân địa phương oán trách vì không tôn trọng tín ngưỡng của họ.

d/ Hợp đồng tác chiến

Dường như các nhà nghiên cứu có khuynh hướng đồng nhất toàn bộ mọi vấn đề nên ít khi chú trọng đến sự khác biệt giữa các địa phương và ảnh hưởng của thời cuộc.

Chúng ta không thể hình dung Nguyễn Huệ đi đến đâu đều kéo theo toàn bộ quân số dưới quyền như một ông bầu gánh hát đem theo cả đoàn khi lưu diễn. Trong tình hình cuối năm 1788, Nguyễn Huệ phải đối phó với nhiều nguy cơ từ nhiều phía trong đó không thể thờ ơ với đe dọa của Nguyễn Nhạc từ Qui Nhơn kéo ra, Nguyễn Ánh từ Đồng Nai và Xiêm La hợp lực tấn công theo đường thủy và đường núi nhân cơ hội ông bị vướng vào một trận chiến lớn. Vì thế, Nguyễn Huệ phải giữ lại rất nhiều cánh quân chủ lực để bảo vệ những trọng điểm chiến lược ở Đàng Trong nên tướng lĩnh trực tiếp tham gia trận đánh Việt – Thanh không thấy có mặt của những người đồng hương như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân ...⁶⁹

Trong chiến dịch này, ông chỉ điều động những cánh quân địa phương và các lực lượng phụ thuộc. Đó chính là điểm các nhà nghiên cứu không thể xác định được lý lịch của những toán quân xuất hiện rất bất ngờ và vô danh, sau đó hầu như biến mất. Cũng như Chế Bồng Nga thuở trước, Nguyễn Huệ đã đạt được một uy tín lãnh tụ khiến nhiều tiểu quốc, nhiều bộ lạc thần phục ông. Phương thức hợp đồng tác chiến đó đã khiến nhiều quốc gia tập hợp được một lực lượng mạnh khi cần đến, điển hình là Miến Điện và Xiêm La khi giao tranh không phải do lực lượng của chính họ mà do các khu vực thần phục mỗi bên đánh với nhau.

Thứ hai, quân sĩ chiến đấu muốn hiệu quả phải có tính chuyên nghiệp, được huấn luyện và quen với khung cảnh máu đổ, đầu rơi. Không phải cứ đưa dao kiếm cho một người vốn quen nghề ruộng rẫy sẽ biến họ thành một chiến sĩ, nhất là ở thời kỳ mà chưa có những vũ khí sát thương ở tầm xa. Cho nên, dù tinh thần cao chẳng nữa, muốn hữu hiệu ba cánh quân của vua Quang Trung trong chiến dịch Bắc Hà phải là những chiến binh chuyên nghiệp, không phải là những tân binh mới tuyển mộ. Chỉ có những chiến binh với đầy đủ khả năng, Nguyễn Huệ mới tính toán được một chiến thuật gọi là “*thần tốc*”.

- Cánh quân thứ nhất do các tiểu vương và bộ lạc phía tây dãy Trường Sơn mang theo voi trận vốn dĩ là lực lượng quan trọng nhất của họ. Chắc chắn nếu Nguyễn Huệ mang voi từ Phú Xuân ra, bên cạnh việc trở ngại trong vấn đề đi

⁶⁹ Chúng ta cũng không thể bỏ qua giả thuyết một số tướng lĩnh Đàng Ngoài nương theo chiến thắng Kỷ Dậu để tạo uy thế trong khi thành phần trung kiên ở Đàng Trong lại cảm thấy bị hụt hẫng khi không được dự phần vào những vinh quang này. Những tranh chấp nội bộ sau khi vua Quang Trung qua đời rất có thể có nhiều nguyên nhân trong đó có cả đổ kỵ, tính địa phương và tranh chấp giữa những dòng con của Nguyễn Huệ. Sau cái chết đột ngột của ông, tuy những việc cung đình hầu như không ai biết thực hư thế nào, chúng ta có cảm tưởng rằng đã có một biến động chính trị lớn ở Phú Xuân – một cuộc đảo chánh theo nghĩa hiện thời – để một nhóm người mới, chủ yếu là thành phần gốc Qui Nhơn lên nắm quyền.

chuyển, chỉ riêng thời tiết thay đổi đột ngột và cung ứng lương thực cho đoàn thú to lớn này cũng đã làm cho vai trò của tượng binh bị hạn chế rất nhiều.

- Cánh thứ hai là hải quân do những tướng lãnh và lực lượng hải khấu ông thu phục được từ biển theo đường sông đánh ngang hông và chặn các đường rút quân của địch.
- Bộ binh do chính ông chỉ huy ngoài các lực lượng cơ hữu của Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân lại được bổ sung bởi một thành phần đã quen với chiến đấu. Đó chính là ưu binh Thanh Nghệ vốn dĩ là lực lượng quan trọng nhất của chúa Trịnh bị truy sát đang trở về trốn tránh tại quê hương, bản quán.⁷⁰

Việc điều động ba lực lượng chủ chốt với ba đặc tính riêng rẽ vô hình chung phù hợp với lối đánh của Nam Á chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ mà không tìm thấy tại những khu vực vay mượn ở văn minh Trung Hoa. Ông cũng không đánh cầu may mà thực tế thường chuẩn bị và tính toán kỹ càng, có điều ông dựa vào tin tức tình báo và sử dụng cái năng khiếu bén nhạy của mình để quyết định hơn là dè dặt như những nhà quân sự thường tình. Tin tức tình báo đó do một mạng lưới thương nhân có những liên hệ mật thiết với ông, được mua chuộc bằng cả lợi lộc lẫn đe dọa. Thương nhân nếu ở phe ông được ưu đãi bao nhiêu thì không liên minh với ông sẽ bị trừng trị thảm khốc bấy nhiêu, điển hình như vụ tàn sát người Hoa ở Gia Định năm 1782⁷¹.

⁷⁰ Theo nhiều nguồn, đoàn quân tân tuyển lại chính là lực lượng trung quân do ông chỉ huy. Một tướng lãnh kinh nghiệm không ai đại gì điều động một đoàn quân mới góp nhặt, thiếu kinh nghiệm chiến đấu. Chỉ có thể là ưu binh Thanh Nghệ hiện cư ngụ tại bản quán mới có khả năng vua Quang Trung đòi hỏi. Theo qui chế tổ chức đời Lê, quân đội mà quan lại địa phương điều động đều là dân binh sống ngay bản địa, chỉ có nhà chúa tại kinh đô mới có khả năng tập trung và sử dụng một đạo quân chuyên nghiệp được ưu đãi, có trang bị và trả lương nên gọi là *ưu binh*. Thành phần đó cuối đời Lê Trịnh đã bị tan rã vì nội loạn và cũng không còn ai chỉ huy nữa nên theo lý thông thường, để khỏi bị trả thù bởi người Bắc Hà, họ phải chạy về quê hương bản quán sống với gia đình. Đây chính là thành phần “*có khả năng chiến đấu cao*” đã được Nguyễn Huệ “*chiêu dụ*” trong một hoàn cảnh đặc biệt để bổ sung vào những cánh quân tinh nhuệ đã có sẵn. Khai thác được lực lượng này vừa giúp ông có thêm sức mạnh, vừa triệt tiêu được nguy cơ nổi dậy ở sau lưng một khi bị sa lầy trên chiến trường. Chính xung đột của lính Thanh – Nghệ với các cánh thổ hào ở Bắc Hà cũng là một yếu tố tâm lý khiến họ thêm dũng cảm. Bên cạnh đó, nhu cầu lương thực sau những năm đói kém liên tiếp cũng là một động cơ để họ tòng chinh theo vua Quang Trung.

⁷¹ Trên một số hoạt động thì hải phi cũng chính là tầng lớp thương nhân, mua qua bán lại những món hàng có lời nhiều. Ngoài ra chúng ta cũng không thể không đặt giả thuyết người Trung Hoa tại Gia Định nằm trong một mạng lưới rộng lớn hơn từ Indonesia, Mã Lai đến Xiêm La. Vào thời kỳ này người Hoa kiều chịu ảnh hưởng rất mạnh của vua Taksin (Trịnh Quốc Anh, một người gốc Tàu) và rất có thể họ định làm nội ứng cho Xiêm La một khi hai bên có xung đột. Xiêm La khi đó có tham vọng hình thành một Thiên Triều trong vùng Đông Nam Á (Celestial Empire in Southeast Asia) và thành phần thương gia người gốc Hoa rất tán thưởng. Xiêm La cũng là đồng minh chính của nhà Thanh trong chiến dịch đánh An Nam. Tạ Chí Đại Trường đặt giả thuyết rằng vụ tàn sát này do tư thù của một quốc thích họ Phạm bị chết nhưng sự việc có những nguyên nhân phức tạp hơn. Trong cái thế đuổi hươu tranh đỉnh của toàn vùng, Xiêm La có thể coi là tử đối đầu của Nguyễn Huệ. Âm mưu bành trướng đó có thể tham khảo thêm trong tác phẩm *Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos*,

Trong khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn sử dụng lối đánh cò cửa, dằng dai để địch tư tiêu hao rồi khi họ rút lui, hàng ngũ không chỉnh tề, thì mai phục tại những địa điểm hiểm yếu phá địch bằng những trận then chốt thì vua Quang Trung lại tấn công khi địch đang đóng quân một chỗ, lấy ưu thế nhân số và di động để bao vây áp đảo đối phương.

Nguyễn Huệ tuy phải chiến đấu với kẻ thù nguy hiểm và to lớn trước mặt nhưng vẫn phải đề phòng cả khối quân chúng bản địa vì trong số địch quân lại có những người đã từng là vua, là chúa của vùng đó. Nhiều chi tiết rải rác cho thấy quân Tây Sơn dưới mắt người Bắc Hà vẫn chỉ là một đoàn quân ngoại nhập, có nhiều cách biệt về phong tục, ngôn ngữ, một thứ quân của Quảng Nam quốc không được coi ngang hàng với quân Trịnh, quân Lê có những liên hệ mật thiết với quân chúng.

Chính vì phải đối phó với một tình thế khó khăn, ông không thể trải rộng quân mà phải tập trung thanh toán địch theo lối bẻ dũa, tiêu diệt bằng lối hành quân bất ngờ và một lực lượng đông đảo gấp bội để chiếm tiên cơ. Lối điều binh đó cho ta thấy ý đồ giữ đất giành dân, thành lập vương quốc của ông chỉ được hình thành sau khi những thế lực thù nghịch đã hoàn toàn bị thất bại.

Có thể nói, Nguyễn Huệ đã tập hợp được nhiều ưu điểm mà nhiều người đã đánh giá là tính sáng tạo, khác hẳn với truyền thống cổ hữu của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của vua Quang Trung là do khả năng quân sự của ông đã đành nhưng cũng không thể bỏ qua yếu tố thời đại vì trong quá trình vươn lên, ông đã có nhiều cơ hội tiếp xúc với nhiều thành phần khác nhau, nhiều dân tộc và có cái bén nhạy để tìm cách sử dụng những ưu điểm của người làm chỗ mạnh cho mình. Ông đã tiếp xúc với các quốc gia lân cận trong những chuyến viễn du buôn bán với anh em, lại cũng đã gặp gỡ nhiều đoàn thương nhân Âu Châu buôn bán với Đàng Trong, nắm được ưu và khuyết điểm của họ.

Một yếu tố tuy đã được nhắc đến nhiều nhưng chúng tôi cũng lập lại là tinh thần quyết thắng của vua Quang Trung. Theo tài liệu của nhà Thanh [lời khai của Phan Khải Đức với Tôn Sĩ Nghị] là đích thân ông đã bí mật lên vùng biên giới để thám sát địa hình và ra lệnh cho chư tướng nếu quân Thanh kéo sang thì sẽ rút lui để bảo toàn lực lượng, chờ ông ra chỉ huy phản công. Nếu thực như thế, ngay từ đầu Nguyễn Huệ đã có kế hoạch tái chiếm Bắc Hà không để mất vào ngoại địch. Tinh thần đó đã khiến cho binh sĩ dưới quyền ông hết lòng với chủ tướng và cũng phù hợp với những nhận xét của người ngoài về con người dũng mãnh của ông.

Thailand, and Vietnam, 1778-1828 của Mayoury Ngaosyvathn và Pheuiphanh Ngaosyvathn, (New York: Southeast Asia Program Publications, Cornell University 1998)

KẾT LUẬN

Trận chiến Việt – Thanh đã được khai thác rất nhiều trong lịch sử Việt Nam, xoáy mạnh vào thắng lợi ở Thăng Long đầu xuân năm Kỷ Dậu. Chúng ta cũng nói nhiều đến thành tựu ngoại giao và ưu thế của Đại Việt trong đời Càn Long sau khi hai bên trở lại hoà hoãn. Từ trước đến nay, những nghiên cứu về trận đánh long trời lở đất này chỉ được soi xét dưới khía cạnh quân sự, ít khi được quan sát trong bối cảnh chính trị của Trung Hoa, đặc biệt của thời nhà Thanh và nhất là dưới triều đại Càn Long sau khi ông đã trị vì hơn nửa thế kỷ.

Với quan niệm ăn sâu trong đầu rằng vai trò của một thiên tử thay mặt Trời để cai trị thiên hạ, vua Càn Long vẫn nhân danh một nhiệm vụ rất cao cả là “*hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tôn vong*” [dấy lại một dòng đã đứt để nuôi nấng sự mất còn của nước nhỏ] để sai Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta. So sánh những bất đồng qua những sử liệu đầu tay của cả hai bên, chúng ta cũng biết được rằng việc Nam chinh có những âm mưu bất chính của giới quan lại địa phương muốn khai thác cơ hội để thăng quan tiến chức, và vì thế khi vua Càn Long thấy rằng nhiệm vụ cơ bản đã hoàn thành đủ thoả mãn tự ái của ông, chữa được nổi bất bình sau nhiều lần thất bại ở Miến Điện, ông ra lệnh rút quân về vì không muốn lại sa lầy vào một cuộc chiến tiêu hao khác.

Chiến lược của nhà Thanh trong thời điểm đang trên đà thắng lợi vì thế không thống nhất. Vua Cao Tông tuy ra lệnh triệt binh nhưng cũng chỉ nói nửa chừng, đặc biệt nhất trong bài thơ liên hoàn ngày mồng Một Tết tại Trùng Hoa Cung không đề cập gì đến chuyện đó. Những tin tức về diễn tiến mặt trận gửi về Bắc Kinh cho tới mồng 5 tháng giêng vẫn là những tin tức đầy hứa hẹn và triều đình Trung Hoa chưa dứt khoát sẽ rút quân như thế nào nếu không tiến hành chiến dịch kế tiếp để đánh xuống Phú Xuân.

Tuy nhiên còn một chi tiết mà hầu như không một ai trong chúng ta nhắc đến. Đó là một trọng điểm chiến lược trong cai trị mà nhà Thanh luôn luôn muốn duy trì: làm thế nào đừng để cho người Hán quá nổi bật, làm gia tăng ý thức dân tộc của những người đang bị áp bức để luôn luôn chỉ nghĩ rằng họ chỉ là một loại “*công dân hạng hai*” trong xã hội, không thể đòi hỏi những biệt đãi như người Mãn Châu.

Ý thức đó luôn luôn được điều chỉnh để sao cho người Mãn, tuy dân số chỉ là thiểu số so với người Hán, vẫn nắm giữ tất cả những chức vụ lớn, được hưởng những đặc quyền đặc lợi một cách đương nhiên không thể dị nghị. Chính vì thế, một mặt vua Càn Long rất phấn khởi với những thắng lợi nhanh chóng ban đầu, một mặt ông lại tìm cách ghìm lại để cho vai trò của Tôn Sĩ Nghị không vượt qua một giới hạn có thể chấp nhận được.

Như đã viết, ngoài việc giao cho Phú Cương (người Mãn) và Ô Đại Kinh việc truyền hịch dụ hàng Nguyễn Huệ để cướp lấy công lao, vua Càn Long liền hạ lệnh triệt binh khi cánh quân Quảng Tây chiếm được Thăng Long cốt để tạo cơ hội cho Phú Cương tiếp thu công tác thời bình là “*cải thổ qui lưu*”, một chiến dịch nhà Thanh thực hiện theo lối tầm ăn dâu để bình định và đồng hoá các khu vực người thiểu số ở tây và tây

nam Trung Hoa. Một người làm quan lâu năm như Tôn Sĩ Nghị không thể không biết điều đó nên ông đã miễn cưỡng thi hành, hẹn đến đầu năm sẽ thực hiện lệnh rút quân.

Chính ở điểm tế nhị này, khi Tôn Sĩ Nghị đại bại chạy về, vua Càn Long lập tức triệu hồi để cử Phúc Khang An (một trong bốn người con đại thần Phó Hằng, người Mãn) sang làm tổng đốc Lưỡng Quảng, vừa lấy binh uy trấn ngự biên giới, vừa bí mật nhận lệnh chủ hoà để biến một thất bại quân sự (của một đại thần người Hán) thành một thắng lợi ngoại giao (của một đại thần người Mãn).

Chính sách ức Hán hưng Mãn của Thanh triều được thi hành tương đối chặt chẽ trong hai trăm năm. Mãi về sau, khi bị hoạ xâm chiếm của Tây phương và nhà Thanh phải nhượng bộ trong nhiều hiệp ước bất bình đẳng, dân chúng đói khổ khiến loạn lạc tại nhiều khu vực, người Hán lúc đó mới có cơ hội vươn lên cao hơn và một số người được giữ nhiệm vụ hành chánh và quân sự quan trọng (Tăng Quốc Phiên, Tả Tông Đường, Lý Hồng Chương, Lâm Tắc Từ, Viên Thế Khải ...) Tuy nhiên, đó là những thay đổi trong chính sách ở thời Thanh mạt chứ không phải vào thời thịnh trị của Khang Hi, Ung Chính, Càn Long.

Để khai thác triệt để lợi điểm chính trị này, vua Càn Long sau đó đã nhấn mạnh vào việc “*thắng mà không cần dụng binh*”, thay vì đem binh trừng phạt lần thứ hai, ông lại chấp nhận phong vương cho Nguyễn Huệ và ra lệnh “*vô hiệu hoá*” những chống đối của vua tôi nhà Lê bằng cách phân tán mỏng, an táp những người chạy sang Trung Hoa và khuyến khích Nguyễn Huệ tiêu diệt nốt những dư đảng của họ ở trong nước.

Xét riêng một trận đánh trong khoảng mười ngày trước và sau Tết Nguyên Đán năm Kỷ Dậu, chiến thắng đầu xuân này là một điểm son trong lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, nếu đặt lên bàn cân những tương quan rộng lớn trong một thời gian dài, chúng ta có thể phải cân nhắc kỹ hơn trước khi đi đến một kết luận về hậu quả của nó.

Về phần nhà Thanh, sự thần phục của Đại Việt dưới triều đại Quang Trung đã đem lại ít nhiều tiếng vang đối với phiên thuộc, củng cố thêm uy tín của một triều đình vốn dĩ bị coi là ngoại tộc vào cai trị Trung Nguyên. Đại Việt đóng một vai trò phen giậu đã giải quyết cho nhà Thanh mối lo về một số thổ ti dọc theo biên giới Hoa – Việt, không còn cơ hội chống lại triều đình và qua lại quấy phá những tỉnh dọc theo biên cương.

Đối với nhà Tây Sơn, tuy những biến chuyển không nằm trong dự tính của Thanh triều nhưng lại đưa tới những hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều. Vua Quang Trung bị cầm chân vào những thủ tục và nghi lễ ngoại giao trong suốt hai năm (1789-1790) là thời kỳ tối quan trọng để xây dựng thực lực nên đã bỏ lửng việc đối phó với mối đe dọa từ phía Nam, tạo cơ hội cho Nguyễn Ánh chiếm lấy Gia Định làm bàn đạp tiến ra Phú Xuân. Lẽ dĩ nhiên, lịch sử còn nhiều vấn đề được đặt ra bằng chữ “*nếu*” vì ví thử Nguyễn Huệ không chết sớm, cục diện không biết rồi sẽ đi về đâu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-o-

1. Amranand, Ping và William Warren. *The Elephant in Thai Life & Legend*. Bangkok: Monsoon Editions, Ltd., 1998.
2. Borri, Cristophoro. *Tường Trình về Khu Truyền Giáo Đàng Trong 1631*. USA: Thăng Long, không đề năm.
3. Charney, Michael W. *Southeast Asian Warfare 1300-1900*. Netherlands: Brill Leiden Boston, 2004.
4. Chula Chakrabonse. *Lords of Life: A History of the Kings of Thailand* (2nd Ed). London: Alvin Redman, 1967
5. Collis, Maurice. *Foreign Mud: being an account of the Opium Imbroglia at Canton in the 1830's and the Anglo-Chinese War that followed*. London: Faber and Faber Limited, 1946 (reprinted 1969 by John Dickens & Co Ltd Northampton)
6. Creveld, Martin Van. *Supplying War: Logistics from Wallenstein to Patton*. Cambridge: Cambridge University Press, 1992
7. Durand, Maurice. *Histoire des Tây Sơn*. Paris: Les Indes Savantes, 2006
8. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
9. Forest, Alain. *Les Missionnaires Francais au Tonkin et au Siam XVII^e – XVIII^e siècles*. Livre II: Histoires du Tonkin. Paris: Éditions l'Harmattan, 1998.
10. Heath, Ian. *Armies of the Nineteenth Century: Asia* (V. 4 – Burma and Indo-China). Great Britain: Foundry Books, 2003.
11. Hintz, Martin. *Tons of Fun Training Elephants*. New York: Julian Messner, 1982.
12. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792*. California: Đại Nam (không đề năm, in chụp lại theo bản lần thứ hai của Saigon: Thư Lâm Ấn Thư Quán, 1958).
13. Hồ, Bạch Thảo (dịch). *Cao Tông Thực Lục*, quyển hạ. New Jersey: Thư Ấn Quán, 2005.
14. Hồ, Bạch Thảo (dịch). *Cao Tông Thực Lục*, quyển thượng. New Jersey: Thư Ấn Quán, 2004.
15. Hoàng, Xuân Hãn. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, trước tác, phần II: Lịch Sử. Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.

16. Lại, Phúc Thuận (賴福順). *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* 乾隆重要戰爭之軍需研究. Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984.
17. Lam, Ngọc Xuân (藍玉春). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử - Bản Chất dữ Sự Kiện, Xung Kích dữ Hồi Ứng* (中國外交史- 本質與事件, 衝擊與回應). Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 2007.
18. Lamb, Alastair. *The Mandarin Road to Old Hué*. London: Chatto & Windus, 1970
19. Lê, Đông Phương (黎東方). *Tế Thuyết Thanh Triều* 細說清朝 (quyển thượng). Đài Bắc: Truyện Ký Văn Học Xã, 1987.
20. Lewis E. Jon (ed.) *The Mammoth Book of Soldiers at War: Firsthand accounts of warfare from the Age of Napoleon*. New York: Carrol & Graf Publishers, Inc. 2001.
21. Ngaosyvathn, Mayoury và Pheuiphanh Ngaosyvathn. *Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos, Thailand, and Vietnam, 1778-1828*. New York: Cornell Southeast Asia Program Publications, 1998.
22. Ngô Cao Lãng. *Lịch Triều Tựa Ký* (bản dịch Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu) Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1995.
23. Ngô Gia Văn Phái. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch) Hà Nội: nxb Văn Học, 2002.
24. Ngô, Thời Chí. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Ngô Tất Tố) Saigon: Phong Trào Văn Hóa tái bản, 1969.
25. Ngụy, Nguyên (魏源). *Thánh Vũ Ký* (聖武記). Đài Bắc: Thế Giới Thư Cục, 1980.
26. Nguyễn Cẩm Thuý, Nguyễn Phạm Hùng. *Văn thơ Nôm thời Tây Sơn*. tpHCM: KHXH, 1997.
27. Nguyễn, Lương Bích – Phạm Ngọc Phụng. *Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự của Nguyễn Huệ*. Hà Nội: nxb Quân Đội Nhân Dân, 1971.
28. Nguyễn, Thu. *Lê Quý Ký Sự* (Hoa Bằng dịch, Văn Tân hiệu đính). Hà Nội: KHXH, 1974.
29. Nhà In Nhà Dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân Định) *Sử Ký Đại Nam Việt* (in lần thứ năm, 1909), nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản tại Sài Gòn 1974, tái bản theo lối chụp ảnh tại Montréal, 1986
30. Đỗ Bang. *Những khám phá về Hoàng Đế Quang Trung*. Huế: nxb Thuận Hoá, 2003.

31. Peterson, Willard J. (ed.) *The Cambridge History of China, Vol. 9, Part One: The Ch'ing Dynasty to 1800*. Cambridge University Press, 2002
32. Phan, Thúc Trực (潘叔直). *Quốc Sử Di Biên* (國史遺編). Hương Cảng: Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 1965
33. Pluvier, Jan M. *Historical Atlas of South-East Asia*. New York: E. J. Brill, 1995.
34. Quách, Chấn Phong (郭振鋒) và Trương Tiểu Mai (張笑梅) (chủ biên). *Việt Nam Thông Sử* (越南通史). Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân đại học xb xã, 2001
35. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Liệt Truyện* (bản dịch Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương) (tập 2) (nguyên bản DNCBLT sơ tập, quyển XXX, Ngụy Tây). Huế: nxb Thuận Hoá, 1997
36. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Liệt Truyện*, [大南列傳] quyển XXX, Ngụy Tây [偽西].
37. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, [欽定越史通鑑綱目] Chính Biên, quyển XLVII.
38. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* I, II (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
39. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục* (tập Hai) (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2004.
40. Shortland, John R., M.A. *The Persecutions of Annam: A History of Christianity in Cochinchina and Tonking*. London: Burns and Oates, 1875
41. Singh, Sarva Daman. *Ancient Indian Warfare*. Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1997
42. *Sử Ký Đại Nam Việt* (in lần thứ năm, 1909) [Sài gòn: Nhà In Nhà Dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân Định)] (nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản tại Sài gòn 1974, tái bản theo lối chụp ảnh tại Montréal, 1986)
43. Sun Laichen, "Military Technology Transfers from Ming China and the Emergence of Northern Mainland Southeast Asia (c. 1390-1527)" *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 34, 3 (10-2003)
44. Tập san Sử-Địa [9-10] Saigon, 1968
45. Tạ Quang Phát (dịch), *Nhà Tây Sơn* (Đại Nam chính biên liệt truyện – Ngụy Tây liệt truyện) Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hoá, 1970
46. Tạ, Chí Đại Trường. *Lịch Sử Nội Chiến ở Việt Nam*. Los Angeles, Calif: An Tiêm, 1991.

47. Tạ, Quang Phát (dịch). *Tây Sơn Thuật Lược* (西山術略). Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hoá, 1971
48. Tarling, Nicholas (ed.) *The Cambridge History of Southeast Asia*, tập I, phần 2: từ 1500 đến 1800. Cambridge: Cambridge University Press, 1999.
49. *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (清高宗御製詩文全集)(10 quyển). Đà Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1976.
50. *Thanh Sử Cảo* (清史稿) (48 quyển) Triệu Nhĩ Tôn 趙爾巽 (tuyển). (in lần thứ 5). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1996.
51. Tiêu, Nhất Sơn (蕭一山). *Thanh Sử* (清史). Đà Bắc: Trung Hoa Văn Hoá, không đề năm.
52. Tôn, Cảnh Phong (孫景峰), Lý Kim Ngọc (李金玉). *Chính Thuyết Thanh Triều Tam Bách Niên* (正說清朝三百年). Bắc Kinh: Trung Quốc Quốc Tế Quảng Bá xb xã, 2005.
53. Tống, Liên Sinh (宋連生). *Đại Thanh Thịnh Thế* (大清盛世). Bắc Kinh: Đương Đại thế giới xb xã, 2006.
54. Trần, Chí Bình (陳致平). *Trung Hoa Thông Sử* (中華通史) q. 11 & 12. Đà Bắc: Lê Minh Văn Hóa Sự Nghiệp Công Ty, 1979.
55. Trần, Gia Phụng. *Nhà Tây Sơn*. Toronto: Non Nước, 2005.
56. Trần, Khánh Hạo (陳慶浩) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊) (đệ nhất tập) [7 volumes] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986
57. Trần, Khánh Hạo (陳慶浩) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊)(đệ nhị tập) [5 volumes] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1992
58. Trần, Trọng Kim. *Việt Nam Sử Lược* (q. 1 và 2). California: Đại Nam, không đề năm. (chụp lại bản in năm 1971 của Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, Saigon)
59. Trần, Văn Giáp. *Tác Phẩm được tặng Giải Thưởng Hồ Chí Minh (Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Tập 1 & 2)*. Hà Nội: nxb KHXH, 2003.
60. Trạch, Văn Minh (翟文明) (chủ biên). *Trung Quốc Toàn Sử* (中國全史) (4 quyển). Bắc Kinh: Quang Minh Nhật Báo xb xã, 2002.
61. Trạch, Văn Minh (翟文明). *Càn Long Đồ Truyện* (乾隆圖傳). Bắc Kinh: Trung Quốc Hí Kịch xb xã, 2001.

62. Trang, Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究). Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982.
63. Trang, Cát Phát (莊吉發). *Thanh Sử Giảng Nghị* (清史講義). Đài Bắc: Thực Học Xã, 2002.
64. Trang, Cát Phát (莊吉發). *Thanh Sử Luận Tập* 清史論集(quyển XII) “Thanh Cao Tông Sách Phong An Nam Quốc Vương Nguyễn Quang Bình Thủy Mạt” 清高宗冊封安南國王阮光平始末. Đài Bắc: Văn Sử Triết, 2008
65. Trương, Hiểu Quang (張曉光). *Thanh Đại Đồng Bản Chiến Công Đồ Toàn Biên* (清代銅版戰功圖全編) Bắc Kinh: Học Uyển xb xã, 2000.
66. Trương, Minh Canh (張明庚), Trương Minh Tụ (張明聚). *Trung Quốc Lịch Đại Hành Chánh Khu Hoạch* (中國歷代行政區劃). Bắc Kinh: Trung Quốc Hoa Kiều xb xã, 1996.
67. Trương, Ngự Hoàn (張馭寰). *Trung Quốc Thành Trì Sử* (中國城池史). Thiên Tân: Bách Hoa Văn Nghệ xb xã, 2003.
68. Trương, Tú Dân (張秀民). *Trung Việt Quan Hệ Sử Luận Văn Tập* (中越關係史論文集). Đài Bắc: Văn Sử Triết, 1992
69. Trung Quốc Quân Sự Sử Biên Tả Tổ. *Trung Quốc Lịch Đại Quân Sự Chế Độ* (中國歷代軍事制度). Bắc Kinh: Giải Phóng Quân xb xã, 2006.
70. Truong, Buu Lam. “Intervention versus tribute in Sino-Vietnamese Relations, 1788-1790” trong John K. Fairbank (ed.). *The Chinese World Order*, 2nd printing. Cambridge: Harvard University Press, 1970.
71. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. *Lịch Sử Việt Nam* (tập I) Hà Nội: nxb KHXH, 1976
72. Viện Nghiên Cứu Lịch Sử Vân Nam (云南省歷史研究所). *Thanh Thực Lục: Việt Nam, Miến Điện, Thái Quốc, Lão Qua sử liệu trích sao* (清實錄: 越南緬甸泰國老撾史料摘抄). Côn Minh: Vân Nam nhân dân xb xã, 1985
73. Woodside, Alexander Barton. *Vietnam and the Chinese Model – A Comparative Study of Nguyễn and Ch’ing Civil Government in the First Half of the Nineteenth Century*. MA: Harvard University Press, 1971.